



Công ty Cổ phần
Công nghiệp Cao su Miền Nam

180 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Võ Thị Sáu, Q. 3, HCM
Văn phòng giao dịch: 146 Nguyễn Biểu, P.2, Q.5, HCM
Tel: (028) 38 362 369 | (028) 38 362 373
Fax: (028) 38 362 376
Email: casumina@casumina.com.vn

www.casumina.com



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**
2023

THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



"Đặt mục tiêu phát triển lâu dài, bền vững
"dựa vào sức mạnh của công nghệ 4.0,
tạo ra các tiện ích bán hàng đa dụng theo
kịp xu thế quốc tế, đem lại nhiều tiện ích
cho người tiêu dùng"

Ông Bùi Văn Thắng
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính thưa Quý cổ đông và Nhà đầu tư.

Trước tiên, thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam (viết tắt là Công ty Casumina), Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên (CB-CNV) Công ty Casumina, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý cổ đông, Nhà đầu tư đã hỗ trợ, đồng hành cùng Công ty Casumina nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) trong năm 2023 và suốt những năm qua.

Thưa quý vị!

Trong năm 2023, Công ty Casumina đã phải đương đầu với một số thách thức như tình hình kinh tế Việt Nam và quốc tế không thuận lợi; sự bất ổn chính trị ở một số quốc gia; đã dẫn đến sự biến động giá nguyên vật liệu theo xu hướng tăng; doanh thu xuất khẩu bị ảnh hưởng do lạm phát ở một số quốc gia là những thị trường xuất khẩu chủ yếu của Công ty Casumina; tình hình chiến sự tại Biển đỏ trong những tháng cuối năm, làm tăng giá cước vận chuyển đường biển, kéo theo việc rủi ro cao khi đi các tuyến qua Biển đỏ

nên các đơn hàng xuất khẩu vào cuối năm cũng có ảnh hưởng nhiều; Tỷ giá USD/VND tăng, lãi suất ngân hàng tăng ...

Tuy nhiên, Công ty Casumina đã nỗ lực để ổn định thị trường trong nước, duy trì thị trường xuất khẩu và có những bước đi tích cực trong việc đảm bảo công suất ổn định đối với dòng sản phẩm lốp Radial (bao gồm TBR và PCR). Kết quả như sau:

- » **Giá trị sản xuất công nghiệp** đạt 4.487 tỷ đồng, bằng 82% so với kế hoạch và giảm 10% so với thực hiện 2022;
- » **Doanh thu thuần** đạt 5.324 tỷ đồng, giảm 7% so với kế hoạch và giảm 2% so với thực hiện 2022;
- » **Lợi nhuận trước thuế** đạt: 70,2 tỷ đồng, bằng 56% so với kế hoạch và bằng 56% so với thực hiện 2022;
- » **Thu nhập bình quân người lao động** đạt 11.085 triệu đồng, bằng 87% so với kế hoạch và tăng 5% so với thực hiện 2022;

4.487 tỷ đồng
Giá trị sản xuất công nghiệp

11.085 triệu đồng
Thu nhập bình quân người lao động

Bước sang năm 2024, môi trường hoạt động của Công ty Casumina đang trải qua những thay đổi đáng kể nhằm thích ứng với sự biến động và thay đổi nhanh chóng của nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng.

Xu hướng giá nguyên vật liệu tăng, các biến động phức tạp của kinh tế toàn cầu những tháng đầu năm, cho thấy năm 2024 tiếp tục là một năm đầy thách thức đối với ngành công nghiệp sản xuất lốp xe trong đó có Công ty Casumina.

Trước những thay đổi không ngừng của toàn bộ nền kinh tế thế giới, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty Casumina cũng nhận ra được tầm quan trọng của vấn đề dự báo trong môi trường kinh doanh biến động rất nhanh hiện nay. Theo đó cách thức hành xử của người tiêu dùng cũng đã thay đổi rất lớn, theo hướng tiếp cận công nghệ hiện đại và đòi hỏi môi trường sống lành mạnh. Cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư đang diễn ra một cách mạnh mẽ, sẽ tạo cơ hội cho các doanh nghiệp nào nắm bắt được xu hướng và triển khai có hiệu quả trong hoạt động SXKD. Vì vậy, Công ty Casumina đã lưu ý, theo dõi và đặt mục tiêu phát triển lâu dài, bền vững "dựa vào sức mạnh của công nghệ 4.0, tạo ra các tiện ích bán hàng đa dụng theo kịp xu thế quốc tế, đem lại nhiều tiện ích cho người tiêu dùng".

Ngoài ra, Công ty Casumina đã liên tục đổi mới phương thức bán hàng, ứng dụng các giải pháp số hóa quản trị trong phân hệ sản xuất – bán hàng và thủ tục hành chính, tiếp cận công nghệ tiên tiến trong sản xuất lốp xe....

5.324 tỷ đồng
Doanh thu thuần

70,2 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế

Vấn đề môi trường và phát huy văn hóa Công ty Casumina cũng được tiếp cận và triển khai theo hướng tích cực, theo xu hướng chung của xã hội. Công ty Casumina cam kết theo đuổi cải cách quản lý, ứng dụng các công nghệ hiện đại trong quản lý để đem lại mục tiêu cuối cùng là trở thành một "Nhà sản xuất lốp toàn cầu".

Ba điểm sau đây sẽ là nhiệm vụ ưu tiên trong hoạt động kinh doanh của Công ty Casumina:

- » **01 Tập trung mọi nguồn lực** để đảm bảo đạt tối đa công suất và kinh doanh có hiệu quả đối với nhóm lốp TBR và PCR dựa vào sự hợp tác lâu dài, sâu rộng với các đối tác tin cậy, có tiềm lực
- » **02 Tiếp tục triển khai có hiệu quả các giải pháp số hóa trong quản lý.** Thay đổi hệ thống bán hàng thông qua sử dụng các công cụ thông minh, tạo ra ứng dụng tiện lợi cho khách hàng.
- » **03 Tinh gọn bộ máy** quản lý các Phòng ban, Xí nghiệp thành viên theo hướng hiệu quả, chuyên nghiệp.

Với việc liên tục cải tiến trong khâu sản xuất và cải cách trong quản lý, đồng thời đặt ra các mục tiêu có trọng điểm, chúng tôi tin tưởng rằng sẽ tiếp tục duy trì được mức tăng trưởng và bảo đảm đạt lợi nhuận theo kế hoạch đề ra. Chúng tôi luôn trân trọng sự hỗ trợ của các Quý vị để theo đuổi mục tiêu chung của chúng ta là sẽ đạt được kết quả tốt, hiệu quả cao, đảm bảo được lợi ích của các Cổ đông và Nhà đầu tư trong năm 2024 và các năm tiếp theo.

Trân trọng kính chào!

Chủ tịch Hội đồng quản trị
(Đã ký)
Bùi Văn Thắng

MỤC LỤC

Chương I: Thông tin chung

- 07 Thông tin khái quát
- 08 Các thành tích tiêu biểu
- 08 Ngành nghề & địa bàn
- 09 Cột mốc thời gian
- 10 Mô hình quản trị, tổ chức & bộ máy quản lý
- 12 Định hướng phát triển
- 15 Rủi ro

Chương II: Tình hình hoạt động trong năm

- 22 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 26 Tổ chức và nhân sự
- 37 Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- 38 Tình hình tài chính
- 42 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 44 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Chương III: Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

- 48 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 52 Tình hình tài chính
- 53 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 54 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 55 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 56 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Chương IV: Đánh giá của Hội đồng quản trị

- 60 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty
- 63 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành
- 65 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Chương V: Quản trị công ty

- 68 Hoạt động của Hội đồng quản trị
- 72 Hoạt động của Ban kiểm soát
- 73 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm Soát
- 74 Đánh giá hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị
- 75 Tự đánh giá hoạt động quản trị

Chương VI: Báo cáo tài chính

- 77 Ý kiến của kiểm toán
- 77 Báo cáo tài chính được kiểm toán



CHƯƠNG I:

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

TỔNG QUAN VỀ CASUMINA

Tên công ty	❶ Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam
Tên viết tắt	❶ CASUMINA
Trụ sở chính	❶ 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Văn phòng giao dịch	❶ 146 Nguyễn Biểu, phường 2, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ	❶ 1.036.264.670.000 đồng
Điện thoại	❶ (028) 38 362 369 (028) 38 362 373
Fax	❶ (028) 38 362 376
Email	❶ casumina@casumina.com.vn
Website	❶ www.casumina.com
Mã cổ phiếu	❶ CSM
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	❶ 0300419930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 3 năm 2006, và thay đổi lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 16 tháng 06 năm 2023.

LĨNH VỰC KINH DOANH HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam hoạt động chủ yếu ở một số lĩnh vực sau:

THƯƠNG MẠI & KINH DOANH



- » Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cao su công nghiệp & cao su tiêu dùng.
- » Kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, thiết bị ngành công nghiệp cao su.
- » Kinh doanh thương mại dịch vụ.
- » Kinh doanh bất động sản.
- » Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

CÁC DÒNG SẢN PHẨM ĐA DẠNG



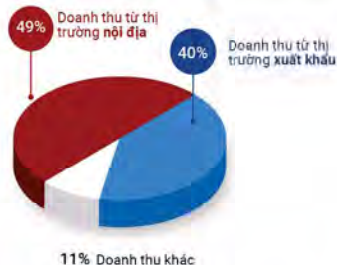
- » Sản phẩm xe đạp gồm: Lốp thể thao, Lốp truyền thống; Sản phẩm xe đạp
- » Sản phẩm xe máy: Lốp có săm (tube type), Lốp không săm (tubeless); Sản phẩm xe máy.
- » Sản phẩm xe điện: Lốp xe đạp điện, Lốp xe máy điện.
- » Sản phẩm ô tô tải: Lốp tải nhẹ (bố Nylon), Lốp tải nặng (bố Nylon), Lốp ô tô Radial- TBR (bố thép), Săm/ yếm ô tô
- » Lốp ô tô du lịch- PCR: Lốp tải nhẹ - thương mại, Lốp ô tô đường trường, Lốp xe thể thao – Đa dụng
- » Lốp chuyên dụng: Lốp Nông nghiệp, Lốp Công nghiệp, Lốp Công trình (OTR)
- » Các sản phẩm khác: Lốp Ô tô Đạp, Găng tay, Cao su Kỹ thuật...

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Sản phẩm của Casumina đã có mặt trên 64 tỉnh thành khắp cả nước thông qua hệ thống các nhà phân phối và đại lý cấp 2, cấp 3, các trung tâm dịch vụ chăm sóc khách hàng - Tire Spa. Thị trường nội địa chiếm tỷ trọng 49% trong tổng doanh thu.

Bóc tách doanh thu theo khu vực năm 2023



CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU

Casumina tự hào là doanh nghiệp có sản phẩm chủ lực cho ngành Công nghiệp phụ trợ của TP.HCM

- 8 lần liên tiếp**
Nhận giải Thương Hiệu Quốc Gia từ 2008 đến 2022 (2 năm 1 lần)
- 28 năm liên tiếp**
Đạt danh hiệu Hàng Việt Nam Chất lượng cao
- 2 lần liên tiếp**
Được trao tặng Thương hiệu Vàng TP.HCM (2020-2023)
- Top 5 doanh thu**
Trong Tập đoàn Hoà chất Việt Nam



THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

Thị trường xuất khẩu ở 60 nước trên thế giới, chủ yếu bao gồm: Châu Á, Trung Đông, Châu Âu, Bắc Mỹ, Nam Mỹ

Định hướng đối với thị trường xuất khẩu của CASUMINA

- » Duy trì, tăng trưởng ở những thị trường hiện có
- » Phát triển, mở rộng thị trường xuất khẩu theo quốc gia, khu vực, bằng các sản phẩm chủ lực với nhóm lớp toàn thép (TBR) và bán thép (PCR).
- » Tận dụng điều kiện thuận lợi từ chính sách thương mại thông qua các hiệp định thương mại thế hệ mới, lợi thế so sánh về chính sách thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp Chính phủ đối với thị trường Hoa Kỳ so với các doanh nghiệp cùng ngành tại các nước trong khu vực.



CỘT MỐC QUAN TRỌNG

2023

Casumina được xếp hạng thứ 61/75 Công ty sản xuất lốp toàn cầu năm 2023. Công ty luôn giữ vững các danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao 26 năm liền và là một trong năm đơn vị có doanh thu cao nhất Tập đoàn Hòa chất Việt Nam.

2022

Vượt qua đại dịch Covid và phục hồi hoạt động sản xuất, kinh doanh sau giai đoạn dịch bệnh

2021

Ra mắt dòng sản phẩm lốp PCR dành cho xe con với thương hiệu Advenza (theo tiêu chuẩn DOT của Mỹ)

2009-2014

2009: Tháng 08/2009 Công ty chính thức niêm yết 25.000.000 cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM với mã chứng khoán CSM. Tăng vốn điều lệ lên 250 tỷ đồng.
2014: Khánh thành nhà máy Casumina Radial – Công suất 1 triệu lốp/năm.

1999-2007

2007: CASUMINA được xếp hạng thứ 59/75 các nhà sản xuất lốp lớn trên thế giới.
1999: Đầu tư một nhà máy chuyên sản xuất lốp ô tô tải với công nghệ hiện đại. Công ty nhận chứng chỉ ISO 9002 – 1994

1996

CASUMINA trở thành nhà sản xuất sản phẩm lốp xe máy số 1 Việt Nam với Slogan "Bàn đường tin cậy"

1995

Sử dụng thương hiệu Casumina thay cho Rubimex để làm tên giao dịch quốc tế.

1991

Bắt đầu sản xuất lốp xe máy, xây dựng mạng lưới bán hàng cả nước.

1989

Thương hiệu Casumina chính thức được chứng nhận đăng ký, tên gọi Casumina ra đời với logo sư tử & dòng chữ Casumina màu đỏ nằm dưới bên trong vòng tròn nền vàng.

1986

Biểu tượng con sư tử chính thức được chọn làm Logo Công ty.

1976

Công ty Công nghiệp Cao su Miền Nam được thành lập theo quyết định 427-HC/QĐ ngày 19/04/1976 của Nhà nước Việt Nam

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Căn cứ theo Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp 2020, GASUMINA lựa chọn mô hình tổ chức:

- » Đại hội đồng cổ đông.
- » Hội đồng quản trị.
- » Ban Kiểm soát.
- » Ban Tổng giám đốc.



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty không có công ty con và công ty liên kết

XÍ NGHIỆP THÀNH VIÊN



Văn phòng công ty:

Trụ sở chính: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM
Văn phòng giao dịch: 146 Nguyễn Biểu, Phường 2, Quận 5, TP.HCM



Xí nghiệp cao su Đồng Nai

Địa điểm: Khu công nghiệp Biên Hòa I, tỉnh Đồng Nai



Xí nghiệp Lốp Radial

Địa điểm: Phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương



Xí nghiệp cao su Hóc Môn

Địa điểm: Phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP.HCM



Xí nghiệp cao su Bình Lợi

Địa điểm: số 2/3 Kha Vạn Cân, Hiệp Bình Chánh, Q.Thủ Đức



Xí nghiệp cao su Bình Dương

Địa điểm: Phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Thực hiện theo chỉ đạo tại Quyết định số 425/HCVN-HĐTV của Tập đoàn Hòa chất Việt Nam về việc Phương án sắp xếp, cơ cấu lại Xí nghiệp Cao su Bình Dương và Xí nghiệp Lốp Radial. Ngày 22/8/2023, Hội đồng quản trị công ty đã ban hành Quyết định số 02/2023/QĐ-HĐQT v/v chấm dứt hoạt động của Xí nghiệp Cao su Bình Dương.

TẦM NHÌN, SỨ MỆNH & GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TẦM NHÌN

**NHÀ SẢN XUẤT SẮM LỖP
HÀNG ĐẦU ĐÔNG NAM Á**



SỨ MỆNH

Cống hiến cho xã hội sự an
toàn, hạnh phúc và thân thiện



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tin cậy: Sản phẩm, dịch vụ, con người.
Hiệu quả: Mọi hoạt động luôn hướng đến hiệu quả.
Hợp tác: Sẵn sàng hợp tác cùng phát triển và có lợi.
Năng động: Luôn sáng tạo và đổi mới.
Nhân bản: Vì con người.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

CHIẾN LƯỢC TRUNG HẠN

- » Giữ vững thị phần các sản phẩm truyền thống như sắm lốp xe đạp, xe máy và lốp Bias.
- » Đầu tư chiều sâu từng bước và từng năm, nâng công suất nhà máy toàn thép lên 600.000 lốp.
- » Sản phẩm lốp toàn thép và bán thép chiếm lĩnh được thị trường nội địa và xuất khẩu ổn định sang các nước.
- » Thương hiệu Advenza trở thành nhãn hiệu bán chạy thứ 3 tại Việt nam trong dòng lốp xe du lịch.
- » Hoàn tất quá trình sáp nhập các Phòng ban và Xi nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả.
- » Di dời hai Xi nghiệp Cao su Bình Lợi và Đồng Nai theo chủ trương chung của Chính quyền địa phương nơi Công ty đặt nhà máy.

CHIẾN LƯỢC DÀI HẠN

- » Tập trung nguồn lực thực hiện sáp nhập và di dời cụm nhà máy theo hướng:
 - » Lập và triển khai dự án mua đất phục vụ di dời.
 - » Lập và triển khai dự án di dời và sáp nhập nhà máy sản xuất lốp ô tô mảnh chéo (di dời và sáp nhập xi nghiệp Cao su Đồng nai và xi nghiệp Cao su Bình lợi).
 - » Đầu tư mở rộng dây chuyền lốp ô tô bán thép (PCR) thêm 1.000.000 lốp, tổng công suất đạt 2 triệu lốp/năm. Tập trung mở rộng thị trường trong nước đối với nhóm lốp này.
- » Hoàn thiện phát triển và ứng dụng chuyển đổi số vào quản trị bán hàng, quản trị sản xuất.
- » Từng bước phát triển thương mại điện tử theo hướng đa dụng.
- » Tiếp tục trình phương án thoái vốn
- » Mở rộng thêm xưởng sản xuất lốp ô tô bán thép công suất 2 triệu lốp, tập trung cho lốp ô tô điện.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

- » Casumina luôn tuân thủ các quy định của pháp luật nhà nước Việt Nam về môi trường.
- » Kết quả kiểm tra định kỳ của các cơ quan chức năng quản lý về môi trường đối với các chỉ tiêu quy định về nước thải, khí thải tại các Xí nghiệp thành viên đều đạt ở mức cho phép.
- » Đối với chất thải sinh hoạt, công nghiệp, nguy hại đều được phân loại tại nơi phát sinh, ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng, tiến hành thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật.
- » Thực hiện tái chế: Các nguyên liệu đặc thù của ngành cao su có thể tận dụng như: Vải mảnh, cao su phế liệu... Công ty tiến hành thu gom, vận chuyển tập kết đến Xí nghiệp chuyên xử lý làm nguyên liệu đầu vào để sản xuất các sản phẩm: lốp đặc, lốp xe năng...
- » Công ty đã thực hiện đầu tư công trình điện áp mái (năng lượng mặt trời) tại Xí nghiệp lốp Radial nhằm chủ động đối với nguồn điện trong sản xuất, giảm chi phí và giảm tác động tiêu cực đến môi trường.
- » Các chỉ tiêu về tiết giảm năng lượng được xem là mục tiêu chất lượng của Công ty.
- » Casumina là một thành viên tích cực trong hội đồng trách nhiệm Xã hội các Doanh nghiệp Hóa chất Việt Nam (VRCC).



RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

RỦI RO KINH TẾ

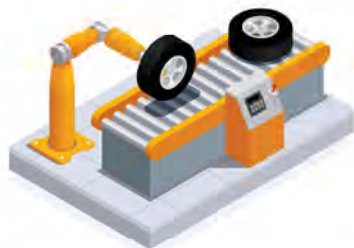
- » Tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2023 đạt 5,05%, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục là bệ đỡ cho nền kinh tế, vừa đảm bảo an ninh lương thực vừa duy trì và phát triển xuất khẩu ổn định, tăng trưởng của khu vực đạt 3,83%; khu vực thương mại tăng trưởng 6,82% với một số ngành dịch vụ tăng trưởng ổn định, đóng góp lớn vào mức tăng chung nền kinh tế; khu vực công nghiệp, xây dựng gặp nhiều khó khăn, khi mức tăng trưởng chỉ đạt 3,74%. Nhìn chung, trong bối cảnh kinh tế toàn cầu gặp nhiều sóng gió, mức tăng trưởng của Việt Nam có thể nói là một kết quả đáng khích lệ.
- » Nhìn chung năm 2024, dự báo các rủi ro tiềm ẩn từ môi trường kinh tế thế giới vẫn còn hiện hữu và tiếp tục tác động tiêu cực lên triển vọng phục hồi tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Cục diện thế giới tiếp tục chuyển động theo xu hướng "đa cực, đa trung tâm"; các nước lớn điều chỉnh chiến lược linh hoạt, phức tạp hơn, vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, kiềm chế gay gắt lẫn nhau.
- » Hậu quả của đại dịch Covid 19 vẫn còn dai dẳng. Lạm phát ở một số nền kinh tế lớn nhiều khả năng vẫn ở mức cao, nợ công tiếp tục gia tăng; tăng trưởng thương mại toàn cầu tiếp tục xu hướng thấp, do chịu ảnh hưởng từ diễn biến chính trị căng thẳng, khó lường. Áp lực từ giá dầu thô, lương thực biến động mạnh, tăng lãi suất kéo dài ở nhiều quốc gia... Khả năng phục hồi của kinh tế toàn cầu chưa rõ ràng.
- » Ở trong nước, tuy thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhưng động lực truyền thống còn yếu, động lực mới chưa rõ ràng nên năm 2024 dự báo kinh tế Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Tác động từ sự suy giảm của nền kinh tế thế giới dồn nén từ thời đại dịch tới nay nhiều khả năng sẽ tiếp tục tác động đến nền kinh tế Việt Nam ít nhất trong nửa đầu năm 2024 trước khi đón nhận những dấu hiệu tích cực, khả quan hơn.
- » Tuy vậy, kinh tế Việt Nam sẽ vẫn có cơ hội phục hồi tích cực hơn nếu các chính sách hỗ trợ được ban hành trong năm 2023 sẽ có tác động rõ nét hơn; các động lực về đầu tư (bao gồm cả đầu tư tư nhân, FDI, đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước), tiêu dùng, du lịch và xuất khẩu tiếp tục được thúc đẩy mạnh mẽ; các vấn đề tồn đọng, bất cập kéo dài được tập trung tháo gỡ, chuyển biến tích cực hơn trong năm 2024, nhất là vướng mắc của doanh nghiệp, dư án đầu tư, thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp...
- » Tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 103/2023/QH15 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 ban hành ngày 09/11/2023, với mục tiêu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt từ 6 - 6,5%.



RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

RỦI RO KINH TẾ (tiếp theo)

- » Năm 2023, kinh tế khó khăn khiến doanh số ô tô tiêu thụ toàn thị trường của Hiệp hội Các nhà sản xuất ô tô Việt Nam giảm 30% so với năm 2022, dù nhiều doanh nghiệp chủ động đưa ra các chương trình kích cầu và Chính phủ giảm 50% thuế trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước kể từ ngày 01/7/2023.
- » Tuy nhiên, bước sang năm 2024, có những dấu hiệu cho thấy, ngành ô tô sẽ khởi sắc khi kinh tế trong nước dần phục hồi, nhu cầu tiêu dùng quay trở lại. Hai lĩnh vực có tác động không nhỏ đến thị trường ô tô là bất động sản và chứng khoán có diễn biến tích cực hơn. Đặc biệt, lãi suất cho vay tiếp tục giảm sẽ hỗ trợ doanh nghiệp và người có nhu cầu mua xe.
- » Thị trường xe điện tuy nhỏ nhưng cho thấy tiềm năng tăng trưởng. Xe điện đã trở nên phổ biến hơn ở Việt Nam (ước tính chiếm 6% doanh số tiêu thụ xe du lịch trong 2023), nhờ những nỗ lực của Vinfast – doanh nghiệp sản xuất xe điện Việt Nam.
- » Theo BMI Research, sản lượng tiêu thụ xe điện trong ngành ô tô sẽ ghi nhận mức tăng trưởng kép tới 26% trong giai đoạn 2023-2032, tương đương với sản lượng tiêu thụ hàng năm đạt 65 nghìn xe vào năm 2032.
- » Mặc dù đánh giá tích cực với mảng xe điện, nhưng SSI Research vẫn lưu ý những điểm yếu của xe điện so với xe xăng truyền thống trong mắt người tiêu dùng Việt Nam (giá cả và mức dễ dàng khi mua bán lại, phạm vi hoạt động trong 1 lần sạc, thiếu cơ sở hạ tầng trạm sạc và thiếu trung tâm dịch vụ sửa chữa).
- » Sự phát triển khởi sắc của cơ sở hạ tầng phục vụ cho giao thông khá tốt tại Việt Nam cũng là cơ hội để các doanh nghiệp ngành sản phẩm gia tăng sản lượng tiêu thụ. Tiềm năng tăng trưởng của nền công nghiệp ô tô là rất lớn. Tăng trưởng tiêu thụ ô tô sẽ giúp cho những ngành phụ trợ như sản phẩm có cơ hội để phát triển ở cả phân khúc lắp ráp và thay thế.



- » Chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với các doanh nghiệp lắp ráp ô tô trong nước, khuyến khích tăng tỷ lệ nội địa hóa và ưu đãi đối với ô tô điện sẽ làm tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm ô tô.
- » Sức ép từ cạnh tranh nội ngành sản phẩm ngày càng diễn ra gay gắt, từ các doanh nghiệp sản xuất trong nước, các doanh nghiệp nước ngoài đặt nhà máy tại Việt Nam và đặc biệt là hoạt động nhập khẩu sản phẩm chưa minh bạch đã tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Casumina.



RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU



- » Xu hướng biến động giá của hầu hết nguyên vật liệu chủ yếu với biên độ lớn, không theo tính chu kỳ: Cao su tổng hợp, cao su thiên nhiên, bột thép, vải màn, than đen... trong giai đoạn 2021-2023 và dự báo cho các năm tới là một thách thức lớn đối với ngành sản phẩm xe. Chính sách điều chỉnh giá bán nhằm cân đối đầu ra – đầu vào có thể làm giảm sản lượng tiêu thụ sản phẩm các loại nếu như Casumina không tính toán kỹ lưỡng mức dự trữ hàng tồn kho và chiến lược về giá bán hợp lý trong từng thời đoạn nhất định.
- » Các nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài chủ yếu sẽ bị tác động mạnh mẽ bởi yếu tố chính trị, xung đột, sự biến động của giá dầu và chính sách thanh lọc các doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường tại các nước sở tại gây ra tình trạng khan hiếm đối với một số hóa chất đặc thù ngành sản phẩm xe. Casumina đã phân tán rủi ro bằng việc thiết lập danh sách các nhà cung cấp có uy tín và mối quan hệ hợp tác lâu dài nhằm đảm bảo được mức giá hợp lý nhất, tránh biến động và có nguồn cung cấp nguyên vật liệu ổn định.

RỦI RO TIỀN TỆ

- » Chính sách sử dụng tài chính cao, nợ vay chiếm hơn 50% trong cơ cấu tổng nguồn vốn của CASUMINA, có thể xem là một yếu tố rủi ro khi lãi suất cho vay tăng. Nhận biết được vấn đề này, CASUMINA luôn quan tâm đến việc kiểm soát và duy trì tỷ lệ nợ ở mức hợp lý. Casumina đặt mục tiêu duy trì mức lãi vay 2.5%/doanh thu.
- » Hoạt động nhập khẩu nguyên liệu và xuất khẩu thành phẩm của CASUMINA chịu ảnh hưởng bởi biến động tỷ giá. Công ty phải nhập khẩu cao su tổng hợp, than đen, hóa chất... Trong khi đó, công ty còn xuất khẩu các sản phẩm sản phẩm đến nhiều nước như Hoa Kỳ, khu vực Châu Âu, Châu Á. Tỷ trọng doanh thu từ xuất khẩu luôn chiếm tỷ trọng cao (40% trong năm 2023, dự kiến xấp xỉ 50% trong năm 2024). Do đó, biến động mạnh về tỷ giá sẽ ảnh hưởng đến hoạt động nhập khẩu nguyên liệu và xuất khẩu các sản phẩm sản phẩm của công ty.





RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

RỦI RO TIÊU THỤ

- » Thế giới đang đối mặt tình trạng lạm phát gia tăng do làn sóng tăng giá nguyên vật liệu kèm với chính sách nới lỏng tiền tệ từ giai đoạn năm 2019 đến năm 2021. Ở năm 2022, thế giới phải sử dụng chính sách thắt chặt tiền tệ nhằm khống chế lạm phát. Từ đó làm giảm sức mua của người dân kéo theo thu hẹp quy mô thị trường, đặc biệt là Mỹ. Mỗi năm, CASUMINA xuất khẩu khoảng 1,5 triệu lốp xe các loại sang thị trường Mỹ, với việc giảm tốc độ tăng trưởng GDP do các động thái từ FED sẽ gây khó khăn trong hoạt động xuất khẩu. Không chỉ có Mỹ, các thị trường khác như EU, Brazil,... cũng trong tình trạng tương tự, nên Công ty cần có những chính sách khai phá, thâm nhập những thị trường mới để đa dạng hóa trong việc xuất khẩu. Ngoài những yếu tố bất lợi, thị trường Trung Quốc dần mở cửa kinh tế cũng là một thuận lợi lớn cho Công ty trong việc tìm kiếm thêm nguồn cung cấp nguyên vật liệu giá tốt.

RỦI RO CẠNH TRANH

- » Sự thay đổi nhanh chóng của thị trường (bao gồm cả nội địa và xuất khẩu) theo xu hướng tiếp cận công nghệ sản xuất lốp hiện đại sẽ là một rủi ro nếu Casumina không kịp thời thay đổi và theo kịp xu hướng tiêu dùng.
- » Cạnh tranh khốc liệt về giá bán dựa trên quy mô sản xuất lớn của các doanh nghiệp xuất khẩu sầm lộp vào thị trường Việt Nam là một bất lợi đáng kể.
- » Quá trình chuyển dịch nhà máy sản xuất sầm lộp xe từ các doanh nghiệp lớn sang Việt Nam đã làm tăng áp lực cạnh tranh đối với các Doanh nghiệp sản xuất sầm lộp xe của Việt Nam.

RỦI RO PHÁP LÝ

- » Hoạt động của CASUMINA chịu sự ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản luật liên quan. Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi đó sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã có hiệu lực từ năm 2015, các bộ luật liên quan khác cũng sẽ được điều chỉnh tương ứng, đòi hỏi công ty phải có bước chuẩn bị nhằm điều chỉnh hoạt động của công ty sao cho không vi phạm các quy định được điều chỉnh.
- » Chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất của các địa phương nơi Casumina đặt nhà máy sản xuất, buộc Công ty phải di dời trong khi chưa có các chính sách hỗ trợ từ chính quyền địa phương đã tạo áp lực lớn đối với Công ty trong quá trình triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh.
- » Sự thay đổi của chính sách hoàn thuế VAT xuất khẩu trong cách thức đánh giá và thực hiện kiểm tra trước, hoàn thuế sau đã tạo áp lực về nguồn vốn và dòng tiền của Công ty.
- » Chính sách điều tra, áp đặt mức thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp chính phủ... của các nước là thị trường xuất khẩu của Công ty vừa tạo ra lợi thế, đồng thời cũng tạo ra các rủi ro trong chính sách xuất khẩu của Công ty.
- » Hoạt động hợp tác và tiêu thụ sản phẩm đối với các đối tác nước ngoài đòi hỏi Casumina có một đội ngũ Cán bộ chuyên sâu về lĩnh vực pháp lý quốc tế nhằm thiết lập một quy trình xem xét, chỉnh sửa và ban hành các hợp đồng ngoại phù hợp với luật pháp quốc tế.





CHƯƠNG



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH 2023

Duy trì thị phần nội địa

Công ty vẫn duy trì được thị phần đối với thị trường nội địa. Hệ thống phân phối trải rộng toàn quốc là một điều kiện thuận lợi để Công ty có thể triển khai nhanh, linh hoạt các chính sách bán hàng đem lại hiệu quả.

Thương hiệu ADVENZA tăng trưởng tốt

Lốp Radial bán thép được nhiều doanh nghiệp lắp ráp ô tô sử dụng. Hệ thống tiêu thụ Lốp PCR thương hiệu Advenza dành cho xe con đã có mức tăng trưởng tốt, đem lại hiệu quả.

Triển khai hệ thống quản trị bán hàng DMS

Chính sách bán hàng được triển khai theo hướng linh hoạt, phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Công ty đã triển khai thực hiện Hệ thống quản trị bán hàng DMS, kết hợp với bảo hành trực tuyến đã tạo được sự kiểm soát và phối hợp tốt với nhà phân phối.

Không ngừng cải tiến và quản trị rủi ro tốt giúp giảm chi phí

Việc hợp tác với các nhà cung cấp vật tư uy tín, ổn định về chất lượng và giá cả, đồng thời có chính sách dự trữ nguyên vật liệu hợp lý, Công ty luôn đảm bảo nguồn cung cấp nguyên vật liệu kịp thời cho sản xuất.

Công tác cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm được thực hiện tốt. Việc bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị được thực hiện đúng định kỳ. Công tác tiết kiệm được duy trì, thực hiện xuyên suốt nhằm giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

Công tác điều hành sản xuất: Bố trí hợp lý các dây chuyền sản xuất theo hướng tăng năng suất lao động. Cân đối hợp lý giữa sản xuất và bán hàng, đảm bảo được khả năng cung ứng sản phẩm cho thị trường, kiểm soát tốt tồn kho thành phẩm nhằm làm giảm áp lực về chi phí tồn kho và tăng vòng quay tồn kho.

Công tác quản lý chất lượng sản phẩm: Công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm được thực hiện nghiêm ngặt trong từng Công đoạn sản xuất, dưới sự giám sát chặt chẽ của bộ phận quản lý chất lượng Công ty.

Doanh thu 2023 tăng so với 2022

Công ty đã hoàn thành các mục tiêu chủ yếu. Có mức tăng trưởng doanh thu so với cùng kỳ 2022; Đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả; Sản xuất kinh doanh có lãi và đảm bảo đời sống cho hơn 2.000 CB-CNV trong Công ty.

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH 2023 (Tiếp theo)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	KH	Năm 2023		
					TH	%/ 2022	%/ KH
1	Giá trị SXCN	triệu đồng	5.007.356	5.499.000	4.487.137	90	82
2	Doanh thu	triệu đồng	5.559.782	5.695.367	5.497.561	99	97
2.1	Doanh thu SXCN	triệu đồng	5.294.250	5.595.367	4.660.836	88	83
2.2	- Nội địa	triệu đồng	2.910.923	3.051.301	2.570.968	88	84
2.3	- Xuất khẩu	triệu đồng	2.383.326	2.544.066	2.089.868	88	82
2.4	Doanh thu KD	triệu đồng	265.532	100	836.725	315	837
3	Lao động & thu nhập						
3.1	Lao động bình quân	Người	2.2	2.35	1.99	90	85
3.2	Thu nhập bình quân	1.000 đ	10.59	12.68	11.085	105	87
4	Nộp ngân sách	triệu đồng	222.397	236.342	127.209	57	54
5	Kim ngạch XNK	1.000 USD	186.857	226.3	140.47	75	62
6	Đầu tư XDCB	triệu đồng	9.36	73.24	52.822	564	72
7	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	101.723	125	70.204	69	56
8	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	79.185	102.209	60.375	76	59
9	Lãi cơ bản trên CP	Đồng	491		384	78	

» Nhận xét:

Tổng doanh thu bằng 99% so với thực hiện 2022, bằng 97% so với kế hoạch 2023. Trước những khó khăn bao gồm cả khách quan và chủ quan của kinh tế trong nước và Thế giới, Công ty đã cố gắng duy trì mức doanh thu tương đương 100% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, chính sách giảm giá bán đối với khu vực xuất khẩu bình quân 5% nhằm tăng tính cạnh tranh và đảm bảo ổn định thị trường xuất khẩu, đã làm giảm mức tăng trưởng doanh thu của Công ty.

Lợi nhuận trước thuế là 70,2 tỷ đồng, bằng 69% so với năm 2022, bằng 56% so với kế hoạch 2023. Chỉ tiêu lợi nhuận không đạt mục tiêu 2023 và khi so sánh với cùng kỳ năm 2022. Có ba nguyên nhân chủ yếu tác động đến lợi nhuận bao gồm: i) Sản lượng tiêu thụ sản phẩm xe giảm ở cả thị trường nội địa và xuất khẩu; ii) Chính sách giảm giá làm giảm biên lợi nhuận đối với thị trường xuất khẩu; iii) Chi phí lãi vay tăng cao, trong điều kiện Công ty chưa thể hoàn thuế VAT xuất khẩu kịp thời (tồn đọng thuế VAT xuất khẩu tính đến cuối năm 2023 là 355 tỷ đồng).

TÌNH HÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC NĂM 2023

CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT

Công ty chú trọng nâng cao công tác quản trị và điều hành sản xuất theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, thích ứng nhanh và nhạy bén với tình hình diễn biến của thị trường. Công tác dự báo, lập kế hoạch sản xuất tiêu thụ được đánh giá cao, tăng cường công tác kiểm soát nhằm hạn chế hàng tồn kho vật tư, sản phẩm,

giảm tối đa việc thiếu hàng cục bộ, bảo đảm sản xuất phù hợp nhu cầu tiêu thụ. Có chính sách dự trữ vật tư hợp lý, kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên vật liệu đầu vào. Duy trì chất lượng sản phẩm theo đúng cam kết đối với người tiêu dùng. Công tác phân tích, kiểm tra chất lượng được thực hiện thường xuyên, liên tục dưới sự giám sát của phòng Chất lượng Công ty.



HOÀN THIỆN HỆ THỐNG QUẢN LÝ

Công ty tiếp tục duy trì hệ thống quản lý theo ISO: chất lượng (ISO 9001), môi trường (ISO 14001), hệ thống quản lý Phòng thí nghiệm (ISO 17025). Tiếp tục gửi hồ sơ, sản phẩm mẫu đến các tổ chức có chức năng xin tái cấp giấy chứng nhận có giá trị khu vực và quốc tế đối với ngành sản lốp như: DOT, E-mark, Inmetro, MS...



Đồng thời gửi sản phẩm xin cấp giấy chứng nhận theo QCVN 36:2010/BGTVT, QCVN 34:2017/BGTVT. Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục để được cấp chứng nhận IATF 16949:2016 đối với nhóm lốp Radial. Đây là hệ thống quản lý chất lượng ô tô. Theo đó, các doanh nghiệp tham gia vào chuỗi cung ứng phải đạt chứng nhận này.

CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI, ỨNG DỤNG KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀO SẢN XUẤT

Áp dụng nhiều giải pháp công nghệ tiên tiến vào sản xuất nhằm nâng cao chất lượng, đa dạng dây sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường xuất khẩu và nội địa.



» Đối với lốp xe máy: Tiếp tục nghiên cứu cải tiến đơn pha chế, nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng mẫu mã gai, đáp ứng cho từng phân khúc khách hàng.

» Đối với lốp ô tô: Duy trì chất lượng đối với nhóm lốp ô tô Bias, tiếp tục nâng cao chất lượng đối với nhóm lốp TBR, PCR. Đa dạng quy cách lốp TBR, lốp PCR thương hiệu Advenza phục vụ cho thị trường nội địa và xuất khẩu.

TÌNH HÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC NĂM 2023 (Tiếp theo)

CÔNG TÁC TIÊU THỤ

Công tác thị trường

» Cải tiến hệ thống bán hàng khu vực xe đạp xe máy theo hướng nhà phân phối độc quyền, giảm thiểu những biến tướng khi nhà phân phối bán nhiều chủng loại khác nhau. Phương thức này đã đem lại hiệu quả và góp phần ổn định thị trường trong nước trong giai đoạn nhu cầu tiêu dùng bị bão hòa. Từng bước đổi mới hệ thống tiêu thụ lốp ô tô mảnh chéo và lốp TBR theo hướng thiết lập hệ thống phân phối chuyên biệt. Mở rộng các trung tâm dịch vụ chăm sóc lốp xe Advenza Tire spa nhằm thực hiện tốt công tác hậu mãi cho khách hàng.

» Thị trường xuất khẩu: Công ty đã nỗ lực mở rộng thị trường xuất khẩu, đàm phán với nhiều khách hàng mới, đồng thời giữ ổn định các khách hàng truyền thống và đối tác chiến lược. Trong năm 2023, Công ty đã bằng mọi giải pháp giữ ổn định sản lượng xuất khẩu đối với nhóm lốp PCR trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn và rủi ro.

Phương thức bán hàng

» Công ty áp dụng phương thức giao kế hoạch sản lượng năm, kế hoạch quý, tháng cho các Nhà phân phối và bán hàng trực tiếp cho các nhà lắp ráp.

» Xây dựng và điều chỉnh các chính sách bán hàng linh hoạt, phù hợp với từng giai đoạn diễn biến của thị trường, đồng thời áp dụng các chính sách khuyến mãi để kích cầu và tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm.

CÔNG TÁC QUẢNG BÁ VÀ XÚC TIẾN

» Triển khai thực hiện các chương trình quảng bá tại điểm bán, hỗ trợ cung cấp biển biểu quảng cáo, vật phẩm trưng bày tại các điểm bán và Nhà phân phối trên toàn quốc.

» Quảng bá thương hiệu bằng các phương tiện truyền thông truyền thống: Quảng cáo ngoài trời, xe bus, tạp chí, báo, website, Fanpage...

» Tham gia các hội chợ và chương trình triển lãm uy tín, qua các chương trình này Công ty đã tiếp cận được thị hiếu của khách hàng, cải tiến chất lượng, mẫu mã sản phẩm phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

» Công ty luôn giữ vững các danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao 26 năm liền và là một trong năm đơn vị có doanh thu cao nhất Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (31/12/2023)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỉ lệ
1	Bùi Văn Thắng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-
2	Phạm Hồng Phú	Tổng Giám đốc điều hành Thành viên Hội đồng quản trị	218.285	0,21%
3	Nguyễn Minh Thiện	Phó Tổng Giám đốc Thành viên Hội đồng quản trị	47.152	0,046%
4	Đào Văn Đức	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-
5	Nguyễn Mạnh Thái	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	-	-

* Không có sự thay đổi nhân sự trong Hội đồng quản trị

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT (31/12/2023)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỉ lệ
1	Đào Thị Chung Tiến	Trưởng Ban kiểm soát	5,6	0,005%
2	Vũ Thị Bích Ngọc	Kiểm soát viên	6.941	0,007%
3	Lê Thị Thảo	Kiểm soát viên	-	-

* Không có sự thay đổi nhân sự trong Ban kiểm soát

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH (31/12/2023)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỉ lệ
1	Phạm Hồng Phú	Tổng Giám đốc điều hành Thành viên Hội đồng quản trị	218.285	0,21%
2	Nguyễn Minh Thiện	Phó Tổng Giám đốc Thành viên Hội đồng quản trị	47.152	0,046%
3	Nguyễn Đình Đông	Phó Tổng Giám đốc	-	-
4	Vũ Quốc Anh	Kế toán trưởng	-	-

* Không có sự thay đổi nhân sự trong Ban điều hành

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Bùi Văn Thắng
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 01/09/1965

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số cổ phần sở hữu cá nhân: Không có

Chức vụ tại công ty khác/ tổ chức khác: Trưởng Ban, Ban Kế hoạch Kinh doanh Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Ghi chú: Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam nắm giữ 21.761.558 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ.

Quá trình công tác:

- » 12/1988 - 11/2009: Chuyên viên phòng Tổ chức Lao động Tiền lương, Phó phòng; Trưởng phòng Kinh doanh Thị trường; Trưởng phòng Marketing tại Công ty Supe phốt phát & Hoá chất Lâm Thao, Phú Thọ;
- » 12/2009 - 12/2011: Phó phòng phụ trách Phòng; Trưởng phòng, phòng Kế hoạch Vật tư - Ban QLDA NM Đạm Ninh Bình
- » 12/2011 - 03/2018: Trưởng phòng; Phòng Kinh doanh Thị trường; Phòng Kế hoạch Vật tư; Phòng Kế hoạch; Phòng Thị trường - Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình
- » 4/2018 - 17/12/2018: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình.
- » 18/12/2018 - 25/02/2019: Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình; Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình.
- » 26/02/2019 - 19/7/2021: Thành viên HĐQT Công ty; phụ trách HĐQT (từ tháng 12/2020 đến tháng 6/2021); Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình.
- » 26/04/2022 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam.



Bà Lê Thu Hương
Thư ký công ty; Người phụ trách quản trị công ty

Năm sinh: 1976

Trình độ: Cử nhân Kinh tế đối ngoại

Chức vụ hiện tại: Thư ký công ty; Người phụ trách quản trị công ty

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 6.379 cổ phiếu

Chức vụ tại công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Quá trình tham gia Hội đồng quản trị:

- » Năm 2014: Thư ký Công ty
- » Năm 2021 - đến nay: Thư ký Công ty kiêm người phụ trách quản trị Công ty



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Phạm Hồng Phú

Tổng Giám đốc điều hành
Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 16/10/1966

Trình độ: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc điều hành kiêm
Thành viên HĐQT

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 218.285 cổ phiếu

Chức vụ tại công ty khác/ tổ chức khác: Không có



Ông Nguyễn Minh Thiện

Phó Tổng Giám đốc
Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 05/01/1964

Trình độ: Cử nhân kinh tế; Kỹ sư hóa

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc kiêm
Thành viên HĐQT

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 47.152 cổ phiếu

Chức vụ tại công ty khác/ tổ chức khác: Không có



Ông Đào Văn Đức

Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 24/09/1994

Trình độ: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân
ngành Tài chính, Ngân hàng, Bảo hiểm, Cử nhân
ngành Luật kinh tế

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Số cổ phần sở hữu cá nhân: Không có

Chức vụ tại công ty khác/ tổ chức khác: Chuyên viên
Ban Thư ký Hội đồng thành viên, Tập đoàn Hóa chất
Việt Nam



Ông Nguyễn Mạnh Thái

Thành viên độc lập HĐQT

Ngày sinh: 25/12/1981

Trình độ: Thạc sĩ kinh tế

Chức vụ hiện tại: Thành viên độc lập Hội đồng quản
trị

Số cổ phần sở hữu cá nhân: Không có

Chức vụ tại công ty khác/ tổ chức khác: Thành viên
độc lập HĐQT, Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài
chính tại Công ty Cổ phần Thương Mại Tổng Hợp
Miền Nam



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Quá trình công tác:

- » 1990 – 1995: Nhân viên phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam
- » 1996 – 2001: Phó phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam
- » 2002 – 2007: Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam
- » 2008 – 2011: Phó Tổng giám đốc phụ trách trái chĩnh Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam
- » 2011 – 2015: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam
- » 2015 – Nay: Tổng Giám đốc điều hành kiêm Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam.

Ghi chú: Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam nắm giữ 10.363.892 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ.

Quá trình công tác:

- » 1999 – 2006: Trưởng phòng Kế toán Xí nghiệp Găng tay Cao su Việt Hưng
- » 2007 – 2008: Phó phòng kế toán Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam
- » 2008 – 2011: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam
- » 2011 – 2013: Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam
- » 2013 – 2018: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam
- » 2018 – Nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam
- » 2022 – Nay: Người công bố thông tin Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam

Ghi chú: Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam nắm giữ 10.363.892 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ.

Quá trình công tác:

- » 12/2015 - 6/2017: Nhân viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong
- » 7/2017 - 5/2018: Chuyên viên chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong
- » 6/2018 - 5/2019: Chuyên gia phê duyệt tín dụng cấp C5 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng
- » 6/2019 – nay: Chuyên viên Ban Thư ký Hội đồng thành viên, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
- » 26/04/2022 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam

Ghi chú: Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam nắm giữ 10.363.892 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ.

Quá trình công tác:

- » 2004 – 2015: Nhân viên kế toán, Quyền Trưởng phòng Kế toán – tài chính, Kế toán trưởng – Giám đốc Tài chính Tại Công ty Cổ phần Thương Mại Tổng Hợp Miền Nam
- » 2015 – Nay: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính tại Công ty Cổ phần Thương Mại Tổng Hợp Miền Nam
- » 2021 – Nay: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

LỖ LỊCH BAN KIỂM SOÁT (Không có sự thay đổi trong ban kiểm soát trong năm 2023)



Bà Đào Thị Chung Tiến
Trưởng Ban kiểm soát

Ngày sinh: 14/04/1975
Trình độ: Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát
Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.600 cổ phiếu
Chức vụ tại công ty khác/ tổ chức khác: Không có



Bà Vũ Thị Bích Ngọc
Kiểm soát viên

Ngày sinh: 30/05/1985
Trình độ: Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện tại: Kiểm soát viên
Số cổ phần sở hữu cá nhân: 6.941 cổ phiếu
Chức vụ tại công ty khác/ tổ chức khác: Không có



Bà Lê Thị Thảo
Kiểm soát viên

Ngày sinh: 27/03/1998
Trình độ: Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện tại: Kiểm soát viên
Số cổ phần sở hữu cá nhân: Không có
Chức vụ tại công ty khác/ tổ chức khác: Không có



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Quá trình công tác:

- » 1996 - 2007 : Nhân viên Phòng Kế toán Công ty Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam
- » 2007 – 2010 : Trưởng phòng kế toán Xi nghiệp Găng tay Việt Hưng, trực thuộc Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam
- » 2010- 2012 : Nhân viên Kế toán – Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam
- » 2013 – 2016: : Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam.
- » 2016 - Nay : Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam

Quá trình công tác:

- » 2007 – 2009: Nhân viên tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
- » 2009 – Nay: Chuyên viên tại Ban Tài chính Kế toán – Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
- » 2011 – Nay: Tham gia Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam
- » 2012 – Nay: Tham gia Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì

Quá trình công tác:

- » 2016 - 2020 : Sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp tại trường Học Viện Tài Chính
- » 2020 - Nay : Nhân viên Kế toán – Tài chính tại Công ty TNHH MTV Tân Đức Diễn Gia
- » 2021 – Nay : Tham gia Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH (Không có sự thay đổi trong ban điều hành trong năm 2023)



Ông Phạm Hồng Phú
Tổng Giám đốc điều hành
Thành viên HĐQT

(Xem ở mục Hội đồng quản trị)



Ông Vũ Quốc Anh
Kế toán trưởng

Ngày sinh: 1969
Trình độ: Cử nhân Kinh tế
Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng
Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.893 cổ phiếu
Chức vụ tại công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

- » 1991 - 2000 : Nhân viên kế toán tổng hợp Xí nghiệp cao su Hóc môn Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam.
- » 2000 - 2009 : Nhân viên kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam
- » 2010 - 2012 : Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam
- » 2012 - 2018 : Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam
- » 2018 - Nay : Kế toán trưởng - Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Nguyễn Minh Thiện
Phó Tổng Giám đốc
Thành viên HĐQT

(Xem ở mục Hội đồng quản trị)



Ông Nguyễn Đình Đông
Phó Tổng Giám Đốc

Ngày sinh: 12/03/1963
Trình độ: Kỹ sư Hoá
Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc
Số cổ phần sở hữu cá nhân: 27.609 cổ phiếu
Chức vụ tại công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

- » 1988 – 1996 : Kỹ sư Phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp cao su Hóc Môn Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam.
- » 1996 – 2000 : Phó xưởng Luyện kén Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam.
- » 2000 – 2002 : Trưởng xưởng Luyện kén Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam.
- » 2002 – 2005 : Phó Giám đốc Xí nghiệp cao su Bình Dương Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam.
- » 2005 – 2006 : Giám đốc Xí nghiệp cao su Bình Dương Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam.
- » 2007 – 2009 : Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam.
- » 2009 – 31/12/2023 : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH VỀ CÁN BỘ NHÂN VIÊN (31/12/2023)

	Năm 2022		Năm 2023	
Chi Tiêu	Số lượng (người)	Tỉ trọng	Số lượng (người)	Tỉ trọng
Theo trình độ lao động	2.000	100%	2.020	100%
Trên Đại học	14	0,70%	14	0,69%
Đại học, Cao đẳng	467	23,35%	472	23,37%
Trung cấp	106	5,30%	107	5,30%
Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	1.269	63,45%	1.282	63,47%
Lao động phổ thông	144	7,20%	145	7,18%
Theo giới tính	2.000	100%	2.020	100%
Nam	1623	81%	1632	80,79%
Nữ	377	19%	388	19,21%
Theo thời hạn HĐLĐ	2.000	100%	2.020	100%
Hợp đồng ngắn hạn dưới 1	30	1,5%	30	1,49%
Hợp đồng xác định thời hạn	751	37,55%	759	37,57%
Hợp đồng không xác định thời hạn	1219	60,95%	1231	60,94%
TỔNG CỘNG	2.000	100%	2.020	100%

THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chi Tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Thu nhập bình quân (Đồng/Người/ Tháng)	10.821.000	10.590.000	11.085.000

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG



Về tuyển dụng

Chính sách tuyển dụng đóng vai trò then chốt trong việc thu hút và giữ chân những nhân viên tài năng, góp phần xây dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững. CASUMINA luôn đảm bảo chính sách tuyển dụng của Công ty luôn:

- » Công khai, minh bạch: Mọi thông tin về vị trí tuyển dụng, yêu cầu công việc và quy trình tuyển dụng được công khai rõ ràng để thu hút ứng viên tiềm năng.
- » Công bằng, bình đẳng: Việc đánh giá và tuyển chọn ứng viên được thực hiện dựa trên năng lực và phẩm chất của ứng viên, không phân biệt đối xử về giới tính, tuổi tác, tôn giáo, dân tộc...
- » Hiệu quả: Quy trình tuyển dụng được tổ chức khoa học, hiệu quả, giúp tuyển dụng được ứng viên phù hợp nhất với vị trí công việc.
- » Thu hút nhân tài: Chính sách tuyển dụng với các chế độ đãi ngộ, phúc lợi hấp dẫn để thu hút nhân tài, tạo dựng đội ngũ nhân viên chất lượng cao.
- » Phù hợp với văn hóa doanh nghiệp: Đảm bảo tuyển dụng ứng viên có chung giá trị và mục tiêu, coán kết hướng về lợi ích chung của CASUMINA.



Về lương, thưởng, đãi ngộ

Ngoài chính sách tiền lương, CASUMINA xây dựng một số chính sách đãi ngộ, phúc lợi nhằm thu hút nguồn nhân lực, khuyến khích, động viên tinh thần của người lao động:

- » Bình chọn và khen thưởng cho người lao động giỏi hằng quý.
- » Thường nhân dịp các ngày lễ lớn trong năm, thường thăm niên, thưởng đột xuất cho cá nhân có thành tích nổi trội.
- » Hỗ trợ lương cho người lao động khi tình hình sản xuất, kinh doanh khó khăn.
- » Tặng quà sinh nhật, quà tết, quà trung thu, quà cho phụ nữ, quà cho thiếu nhi, quà cho người lao động lập gia đình.
- » Thăm hỏi các cá nhân gặp khó khăn đột xuất, nằm viện, phúng viếng đám tang người thân...
- » Tặng kỷ niệm chương cho người lao động công tác lâu năm tại Công ty.
- » Khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm
- » Du lịch, nghỉ mát 01 lần/năm
- » Du lịch, nghỉ dưỡng cho người lao động có thành tích xuất sắc và thăm niên làm việc 01 lần/ năm
- » Đóng BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động.
- » Đào tạo nâng cao tay nghề, nghiệp vụ cho người lao động, quy hoạch cán bộ nguồn, xây dựng lộ trình phát triển cho nhân viên.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH

ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG (Tiếp theo)



Về đào tạo và phát triển nhân viên

» CASUMINA lên kế hoạch đào tạo hằng năm nhằm củng cố, nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng làm việc cho người lao động.

» Tích cực đào tạo nội bộ về vận hành máy móc, quy trình sản xuất, an toàn lao động, ISO. Năm 2023, có gần 200 lớp đào tạo nội bộ cho gần 1000 CB-CNV Công ty. Đào tạo nâng cao tay nghề cho hơn 150 công nhân trực tiếp sản xuất.

» Cử nhân viên gián tiếp, cán bộ quản lý của Công ty tham gia các khóa đào tạo bên ngoài để học hỏi, ứng dụng vào công việc tại Công ty như: Đào tạo cán bộ quản lý cấp trung, Hoạch định chiến lược doanh nghiệp số (CIO), Kỹ năng giám sát và quản lý sản xuất, Quản lý con người, Quản lý năng suất- chi phí - rủi ro trong sản xuất, Đánh giá nội bộ HTQLCL theo ISO 9001:2015 (CL03), Kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả, Quản trị rủi ro trong thực hiện hợp đồng và thu hồi các khoản thanh toán quá hạn,... Năm 2023, gần 50 lượt CB-CNV được cử đi đào tạo bên ngoài.



Chính sách an toàn và bảo hộ lao động

» Các cấp lãnh đạo CASUMINA luôn quan tâm đến công tác An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

» CASUMINA thường xuyên tuyên truyền để người lao động tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn vệ sinh lao động khi làm việc, sản xuất.

» CASUMINA thực hiện các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động; Tháng hành động vì môi trường, ...; treo băng rôn tuyên truyền; thực hiện 5S tại nơi làm việc, trồng cây xanh, tổ chức tự kiểm tra các đơn vị thành viên nhằm đảm bảo thực hiện công tác An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường ngày càng tốt hơn ...

» CASUMINA duy trì triển khai áp dụng tiêu chuẩn hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015.



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Trong năm 2023, Công ty đã hoàn thành các thủ tục triển khai dự án đầu tư sản xuất 65.000 lớp ô tô địa hình (M/T) và tăng công suất lớp PCR thêm 300 nghìn chiếc/ năm. Năm 2024, Công ty thực hiện các bước triển khai theo đúng tiến độ của dự án như: mua sắm, lắp đặt thiết bị, chạy thử và bắt đầu sản xuất thương mại và cung ứng cho thị trường vào quý 3/2024.

Tiếp tục đầu tư các thiết bị nhỏ, lẻ để hoàn thiện một số công đoạn trong dây chuyền sản xuất lớp xe máy, sấm xe máy, lớp ô tô Bias, sấm ô tô.

STT	Chi tiêu	Thông tin chi tiết
1	Tên dự án	Đầu tư thiết bị sản xuất lớp bán thép Patagonia M/T
2	Tên nhà đầu tư	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam
3	Hình thức đầu tư	Đầu tư trang thiết bị máy móc làm lớp bán thép M/T
4	Mục tiêu đầu tư	Trưởng Ban kiểm soát
5	Quy mô dự án	Công suất 85.000 lớp bán thép/năm
6	Địa điểm thực hiện dự án	Xí nghiệp Lớp Radial - Casumina tại Tân Uyên, Bình Dương
7	Tổng mức đầu tư dự án	71.527 triệu đồng
8	Thời gian và tiến độ thực hiện	Trong năm 2023

CHÀO BẮN CHỨNG KHOÁN CỦA DOANH NGHIỆP

Trong năm 2023, Casumina không có hoạt động chào bán chứng khoán nào

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty không có công ty con và công ty liên kết

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2023

Chi Tiêu	Năm 2022	Năm 2023	%2023/2022
Tổng giá trị tài sản	4.204.237.007.261	3.884.300.875.457	92%
Doanh thu thuần	5.320.632.082.488	5.234.906.933.729	98%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	107.392.106.947	62.385.362.73	58%
Lợi nhuận khác	(5.668.715.351)	7.818.482.756	-138%
Lợi nhuận trước thuế	101.723.391.596	70.203.845.48	69%
Lợi nhuận sau thuế	79.184.939.323	60.374.641.748	76%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ	3% bằng tiền	-	-

Đơn vị: Đồng



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

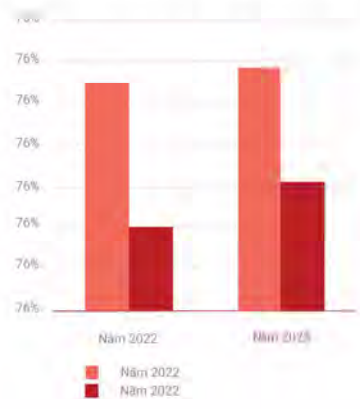
Chi Tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng			
Hệ số thanh toán ngắn	lần	1.09	1.16
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0.41	0.63
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	69.04%	65.91%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở	%	223.05%	193.33%
Chỉ tiêu về năng lực			
Vòng quay hàng tồn	vòng	2.68	2.93
Vòng quay tổng tài sản	vòng	1.27	1.29
Chỉ tiêu về khả năng			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1.49%	1.15%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	6.08%	4.56%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1.88%	1.55%
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	2.02%	1.19%



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

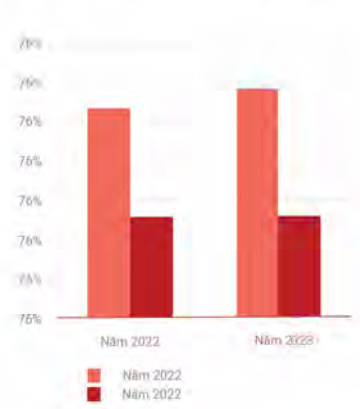
NHẬN XÉT CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

01 Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



Tính đến cuối năm 2023, Hệ số thanh toán ngắn hạn đã tăng từ 1,09 lần lên 1,16 lần so với cùng kỳ năm 2022, do nợ ngắn hạn giảm trong năm 2023. Hệ số thanh toán dài hạn tăng trong những năm gần đây, cho thấy khả năng thanh toán tốt của Công ty cho các khoản nợ trong ngắn hạn. Tuy nhiên, do các khoản mục có mức thanh khoản cao như tiền và khoản phải thu của khách hàng tăng so với năm 2022 nên Hệ số thanh toán nhanh năm 2023 ghi nhận tăng nhẹ từ 0,41 vào năm 2022 lên đến 0,63 vào năm 2023.

03 Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



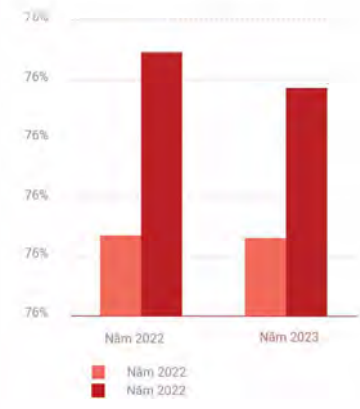
Vòng quay hàng tồn kho năm 2023 ghi nhận tăng, từ 2,68 vòng lên 2,93 vòng, tăng 8,5%. Chỉ số này ghi nhận giảm do lượng hàng tồn kho trong năm đã giảm 30,11% so với năm 2022. Trước tình hình nền kinh tế biến động năm 2023 trên toàn cầu, ngành cao su nói chung đã phải gánh chịu một số ảnh hưởng nhất định, Công ty cũng đã thận trọng hơn trong việc cân đối lượng tồn kho phù hợp với nhu cầu sử dụng của thị trường. Trong năm 2023, vòng quay tổng tài sản tăng nhẹ từ 1,27 vòng lên 1,29 so với cùng kỳ năm 2022, tương ứng 1,5%. Chỉ số này tăng lên nhờ việc Công ty đã có những quyết định đúng đắn đối với lượng hàng tồn kho khi ngành cao su năm 2023 gặp phải nhiều thách thức khi xuất khẩu.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

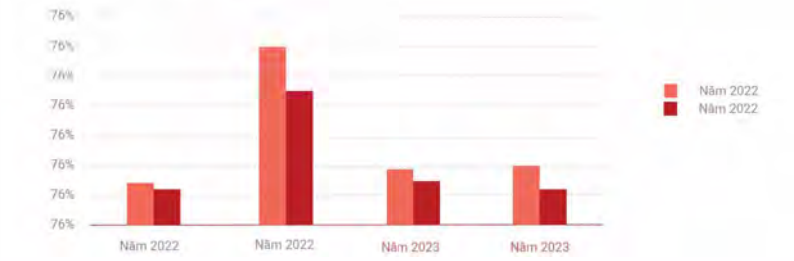
NHẬN XÉT CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

02 Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Trong năm 2023, Hệ số Nợ/Tổng Tài sản đã giảm nhẹ từ 69,04% vào năm 2022 xuống còn 65,91% vào năm nay. Đồng thời, trong năm 2023, Công ty đã có những chiến lược tài chính đúng đắn để có thể cân đối việc sử dụng vốn vay phù hợp với hoạt động kinh doanh và phát triển, do đó Nợ phải trả của Công ty năm 2023 đã cải thiện đáng kể. Điều này được thể hiện rõ hơn khi Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của Công ty được cải thiện đáng kể, từ mức 223,05% ở năm 2022 còn 193,33% vào năm 2023, tương ứng 29,72%.

04 Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty về khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2023 ghi nhận giảm. Năm 2023 ghi nhận khó khăn xuất khẩu của ngành cao su nói chung khi thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam - Trung Quốc - cũng ghi nhận sự phục hồi hoạt động yếu hơn so với dự báo. Mặc dù có sự tích cực trong Quý 4, nhưng tổng kết năm 2023, nhìn chung vẫn khá ảm đạm, lợi nhuận từ HĐKD năm 2023 giảm nhẹ 1,1% so với năm 2022.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

(31/12/2023)

CỔ PHẦN

- » Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 103.626.467 cổ phiếu
- » Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 103.625.262 cổ phiếu
- » Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.205 cổ phiếu
- » Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: Không có
- » Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/ cổ phiếu

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN (31/12/2023)

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	52.849.498	51.01%
1	Đầu tư Sài Gòn VRG	8.585.560	8.29%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (31/12/2023)

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)
I	Cổ đông nhà nước	52.855.849	528.558.490.000
II	Cổ đông lớn (Từ 5% trở lên)	8.585.560	85.855.600.000
1	Trong nước	8.585.56	85.855.600.000
2	Nước ngoài	-	-
III	Cổ đông khác	42.183.853	421.838.530.000
1	Trong nước	41.418.742	414.187.420.000
2	Ngoài nước	765.111	7.651.110.000
IV	Cổ phiếu quỹ	1.205	12.050.000
Tổng cộng(I+II+III+IV)		1.036.264.670.000	100.00%

* Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

(tiếp theo)

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Không có

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

CASUMINA là một công ty hoạt động trong mảng sản xuất về sẫm lốp, với nguyên liệu đầu vào là cao su cùng với nhiều loại hợp chất và hóa chất khác nên gây cũng ít nhiều gây tác động lên môi trường xung quanh. Nên Công ty đã thiết kế các hệ thống xử lý khí thải và nước thải nhằm không để quá trình hoạt động của Công ty ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên và đời sống của các khu vực dân cư lân cận. Ngoài ra, sẫm lốp cũng là các sản phẩm khó phân hủy trong môi trường tự nhiên nên Công ty cũng chú trọng trong việc thu gom và tái chế lượng sẫm lốp bị hư hại hoặc hết thời hạn sử dụng để đem đi tái chế.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguyên liệu chính để sản xuất sẫm lốp ở CASUMINA bao gồm: Cao su tổng hợp, cao su thiên nhiên, bố thép, vải mảnh, than đen.... Trong đó, cao su tự nhiên và tổng hợp chiếm tỷ trọng lớn nhất đến 58% cơ cấu chi phí và phần lớn các nguyên liệu đều nhập khẩu, ngoại trừ cao su thiên nhiên. Với 47 năm kinh nghiệm trong ngành sẫm lốp, Công ty đã thể hiện cho thị trường trong và ngoài nước là một thương hiệu uy tín, đảm bảo về cả chất lượng lẫn số lượng. Từng sản phẩm của Công ty luôn tạo được lòng tin và sự an tâm cho các đối tác và người tiêu dùng.

Đối với các loại năng lượng như điện, nước, hơi bão hòa,... Công ty đã có những biện pháp tiết kiệm cũng như nâng cao hiệu quả khi sử dụng. Hiện nay, việc tiết kiệm năng lượng điện, nước là một vấn đề cấp bách trong mọi hoạt động sản xuất. Công ty đã đưa ra một loạt các giải pháp nhằm tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng trong sản xuất. Điển hình như việc lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho nhà xưởng, sử dụng thiết bị đo đếm để quản lý và giám sát lượng năng lượng tiêu thụ, kết hợp với việc quản lý theo tiêu chuẩn ISO và duy trì 5S để tăng hiệu quả sản xuất. Các giải pháp mang tính chất tuần hoàn như tái sử dụng phế phẩm, sản phẩm có khả năng tái chế, thân thiện môi trường cũng được đưa ra. Bên cạnh đó, việc đầu tư, nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và nâng cấp máy móc, thiết bị theo công nghệ mới, tiết kiệm năng lượng hơn cũng là một trong những giải pháp đáng chú ý. Tất cả những giải pháp trên đã giúp CASUMINA giảm tối đa nguyên liệu sản xuất, chi phí và đóng góp tích cực vào bảo vệ môi trường.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TUẦN THỦ PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong năm qua, Công ty luôn tuân thủ tốt pháp luật bảo vệ môi trường. Ngoài tuân thủ tốt, Công ty còn đầu tư hệ thống xử lý nước thải và đảm bảo vận hành liên tục nhằm đảm bảo môi trường sống, cảnh quan xung quanh. Định kỳ Công ty cũng phối hợp với các cơ quan chức năng để lấy mẫu xử lý nước thải nhằm có thể kiểm tra, đánh giá và xử lý kịp thời nếu có trường hợp không mong muốn xảy ra.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Điện năng và hơi bão hòa là hai nguồn năng lượng chính được Công ty sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Với hơi bão hòa được cung cấp từ lò hơi sử dụng nguyên liệu là mùn cưa không chỉ giúp Công ty giảm được chi phí trong quá trình hoạt động mà còn hạn chế đi được lượng phát thải so với sử dụng dầu đốt FO như trước kia. Trong năm qua, Tổng lượng điện năng mà Công ty đã sử dụng là 64.478.638 Kwh, được cung cấp bởi Tổng Công ty Điện lực miền Nam. Điện năng không chỉ được Công ty sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh chính mà còn dùng để phục vụ cho việc sinh hoạt của các công nhân viên và người lao động. Do đó, Công ty luôn kiểm tra, bảo dưỡng và thay mới định kỳ cho các máy móc, trang thiết bị cũ, không đạt hiệu năng cao nhằm sử dụng hiệu quả và tiết kiệm lượng điện năng. Công ty cũng tuyên truyền cho các công nhân viên và người lao động trong vấn đề sử dụng điện năng ở văn phòng và các nhà máy.

TIÊU THỤ NƯỚC

Trong năm 2023, Công ty đã sử dụng 221.213 m³ nước, lượng nước này được cung cấp bởi các công ty cấp nước trên địa bàn. Nước là một trong những yếu tố lớn để giúp cho Công ty hoạt động trong quá trình sản xuất kinh doanh mà còn phục vụ cho sinh hoạt của các công nhân và người lao động. Công ty đã chủ động kiểm tra hệ thống nước thường xuyên nhằm khắc phục tình trạng rò rỉ nước, qua đó hạn chế được nguồn nước thất thoát. Công ty đã tích cực tuyên truyền cho mọi người trong việc sử dụng tiết kiệm nước, Công ty cũng đã lắp đặt các thiết bị thông minh nhằm có thể kiểm soát lượng nước sau mỗi lần sử dụng.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Không chỉ tích cực trong quá trình hoạt động kinh doanh mà Công ty còn thể hiện tốt trách nhiệm của mình đối với các công nhân viên, người lao động và cộng đồng địa phương. Trong năm 2023 Công ty đã hỗ trợ, tài trợ cho các gia cảnh, tổ chức gặp khó khăn ở trong Công ty và ở cộng đồng địa phương, cụ thể CASUMINA đã Hỗ trợ Trung tâm bảo trợ Người già và Trẻ em Tỉnh Bình Thuận, Ủng hộ chương trình "Nạn nhân ảnh hưởng chất độc da cam" của Hội chữ thập đỏ Thành Phố Hồ Chí Minh và Hỗ trợ Gia đình Chính sách và Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng (Bình Dương, Tp. Hồ Chí Minh). Bên cạnh đó, Công ty đã sử dụng nguồn nhân lực tại địa phương nhằm tạo công ăn việc làm cho họ.



CHƯƠNG



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH BỐI CẢNH CHUNG

Nhìn chung trong năm 2023 Công ty đã gặp phải một số khó khăn chính như sau:

» Xung đột chiến tranh giữa Nga và Ukraine vẫn diễn biến phức tạp. Xung đột giữa lực lượng vũ trang tại Biển Đỏ đã gây ra các hệ lụy: bất ổn về nguồn cung nguyên vật liệu, gián đoạn về vận chuyển đường biển và chi phí vận chuyển có những thời điểm tăng đột biến.

» Nhu cầu lớp ô tô tái mảnh chéo tại thị trường nội địa giảm mạnh do: 1) Xu hướng tiêu dùng chuyển đổi từ lớp tái mảnh chéo sang lớp bó thép; 2) Cạnh tranh khốc liệt về giá bán nhóm lớp bó thép nhập khẩu từ Trung Quốc, có thời điểm giá thấp hơn lớp mảnh chéo cũng là một nguyên nhân đẩy nhanh xu hướng chuyển đổi này.

» Thị trường xuất khẩu trong 6 tháng đầu năm gặp nhiều áp lực: Tồn kho tại các nhà phân phối tăng cao, đặc biệt là thị trường Mỹ, do sức mua giảm. Chính sách điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp của Chính phủ (Mỹ, Brasil) đã làm các doanh nghiệp nhập khẩu gián đoạn khi chờ đợi những kết luận để có những chính sách bán hàng hợp lý. Trong năm 2023, đơn hàng xuất khẩu giảm sút do khủng hoảng vận tải và cảng biển tại Mỹ. Theo số liệu thống kê, nguyên nhân này đã làm giảm sản lượng lớp toàn thép (TBR) 30% và bán thép (PCR) 10%.

» Lãi vay tăng, kết hợp với việc thay đổi trong chính sách hoàn thuế VAT nhập khẩu đã làm Công ty khó khăn tìm kiếm, đàm phán đối với các ngân hàng về lãi suất và Công ty buộc phải tăng hạng mức vay để phục vụ cho hoạt động SXKD

Bên cạnh những khó khăn trên, Công ty có những thuận lợi sau:

- » Công ty vẫn duy trì được thị phần đối với thị trường nội địa, đặc biệt là đạt được những thay đổi quan trọng hệ thống phân phối nhóm lớp xe đạp, xe máy theo hướng tích cực.
- » Thị trường xuất khẩu đã được mở rộng theo hướng đa dạng khách hàng. Công ty đã phân loại các nhóm khách hàng căn cứ vào tính hợp tác, quy mô và lợi ích. Đây là một yếu tố then chốt nhằm đạt được hai mục đích: a. Hợp tác lâu dài; b. Đảm bảo tính hiệu của các bên.
- » Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện nhằm tham gia sâu vào chuỗi cung ứng (OEM) dựa vào sự hỗ trợ của cơ quan chủ quản là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
- » Công ty đã mở rộng mạng lưới trung tâm dịch vụ lớp xe Advenza toàn quốc. Đồng thời, triển khai phần mềm đọc QR code cho quản lý lớp PCR nội địa, bảo hành online và sẵn sàng cho việc triển khai áp dụng thương mại điện tử trong năm 2023 và các năm tiếp theo.
- » Công tác cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm được thực hiện tốt. Việc bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị được thực hiện đúng định kỳ. Công tác tiết kiệm định mức được duy trì, thực hiện xuyên suốt



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG NĂM 2024

Khó khăn

» Kinh tế Việt Nam càng về cuối năm 2023 càng có dấu hiệu tích cực, điều này sẽ tạo đà cho năm 2024 - năm bứt phá để hoàn thành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025. Tuy nhiên, trong bối cảnh thế giới còn nhiều khó khăn, bất định như hiện nay, với một quốc gia có độ mở kinh tế lớn, khả năng cạnh tranh và sức chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài còn hạn chế, những yếu tố đột xuất, bất ngờ vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, khó dự báo.

» Quá trình toàn cầu hóa, Chính phủ Việt Nam đã ký kết Hiệp định thương mại tự do với nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ (FTA). Theo đó, các bên tham gia cam kết xóa bỏ thuế quan 70%-100% số dòng thuế. Điều này, tạo ra nhiều cơ hội phát triển và đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức đối với kinh tế Việt Nam.

» Với đặc thù của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm lớp xe các loại, Casumina sẽ chịu tác động mạnh mẽ từ các chính sách thuế quan, khi mà 60% nguyên vật liệu chủ yếu được nhập khẩu (cao su tổng hợp, than đen, vải mảnh, bó thép...) và thị trường xuất khẩu của Công ty trải rộng ở các quốc gia bao gồm: Mỹ, Châu Âu, Nam Mỹ, Ấn độ, Đông Nam Á....

» Chính sách thuế giảm dần đến 0% đối với sản phẩm sản phẩm nhập khẩu đối với các quốc gia, vùng lãnh thổ ký kết FTA với Việt Nam sẽ tạo ra cạnh tranh gay gắt khi các doanh nghiệp nhập khẩu có lợi thế hơn về quy mô, giá cả và chất lượng.

» Việc áp thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp chính phủ thay đổi theo từng giai đoạn của một số quốc gia nhập khẩu lớp xe tạo nhiều cơ hội, đồng thời tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với các doanh nghiệp xuất khẩu.

» Xung đột, chiến tranh xảy ra giữa một số Quốc gia (dự báo sẽ kéo dài) làm tăng chi phí nguyên vật liệu đầu vào nhập khẩu, khi các nhà cung cấp đã cộng thêm chi phí vận chuyển và chi phí rủi ro vào giá bán, Đồng thời, đây cũng là yếu tố gây ra sự thiếu hụt nguồn nguyên liệu trong ngắn hạn.

» Thực tế hoạt động SXKD quý 1/2024 cho thấy: Giá nguyên vật liệu chủ yếu vẫn có xu hướng tăng; Chi phí vận tải đường biển vẫn ở mức cao. Các yếu tố này đã tác động tiêu cực đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

» Tình trạng gian lận thương mại vẫn chưa được Nhà nước kiểm soát triệt để, việc bán phá giá của lớp nhập khẩu từ các nước như: Trung Quốc, Thái Lan đối với các loại sản phẩm lớp ô tô diễn ra ngày càng gay gắt.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thuận lợi

Nhu cầu vận tải trong nước tăng, dẫn đến nhu cầu về sản phẩm lốp xe tăng. Vận tải đường bộ dự kiến sẽ phát triển mạnh trong những năm tới và được kỳ vọng hưởng lợi nhiều từ sự phát triển cơ sở hạ tầng của Việt Nam, với tư cách là một trung tâm sản xuất của khu vực.

Sự dịch chuyển từ xe xăng sang xe điện (bao gồm nhóm xe máy và ô tô các loại). Xu hướng phát triển công nghệ sản xuất xe điện của thế giới sẽ kéo nhu cầu sản phẩm lốp xe đáp ứng chuỗi cung ứng (OEM) và thay thế theo hướng tiện ích, nhỏ gọn, nhiều mẫu mã và đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật.

Nhu cầu sử dụng chuyển đổi sang sản phẩm sản phẩm lốp xe có hàm lượng kỹ thuật cao theo xu hướng phát triển công nghệ lốp xe (xe máy không xăm, lốp bố thép). Hiện nay, theo số liệu thống kê của Casumina và các đơn vị nghiên cứu thị trường, nhu cầu chuyển đổi lốp xe máy không xăm đang diễn ra mạnh mẽ với tỷ lệ 60%-75%. Xu hướng chuyển đổi từ lốp ô tô tải mảnh chéo sang lốp bố thép cũng ngày càng tăng (đối với cả khu vực nội địa và xuất khẩu).

Chủ trương ổn định kinh tế vĩ mô, tăng cường đầu tư công, các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp của Nhà nước kỳ vọng sẽ mang lại nhiều thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Sản phẩm mới lốp PCR thương hiệu Advenza được người tiêu dùng trong nước đón nhận tích cực, tạo đà phát triển cho các năm sau.

Hệ thống và sắp xếp lại nhà phân phối nhóm sản phẩm truyền thống sẽ là một yếu tố thuận lợi để công ty duy trì thị phần tiêu thụ trong nước.

Thị trường xuất khẩu của Công ty được mở rộng theo hướng đa dạng nhóm khách hàng, việc tăng cường hợp tác với các đối tác lớn, uy tín sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty đẩy mạnh sản lượng xuất khẩu, ổn định sản xuất, tăng trưởng doanh thu, gia tăng hiệu quả SXKD của Công ty.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Chỉ Tiêu	Năm 2022	Tỷ trọng 2022	Năm 2023	Tỷ trọng 2023	%2023/2022
Tài sản ngắn hạn	3.012,4	71,65%	2.862,6	73,70%	95,03%
Tài sản dài hạn	1.191,8	28,35%	1.021,7	26,30%	85,73%
Tổng tài sản	4.204,0	100%	2.560,1	100%	92,39%

Đơn vị: Tỷ đồng

Tổng tài sản của Công ty trong năm 2023 giảm 320 tỷ đồng, tương đương mức giảm 7,61% so với năm 2022. Chủ yếu là do tài sản ngắn hạn năm 2023 đã giảm 149,8 tỷ đồng, tương ứng mức giảm 4,91 % vì Công ty đã giảm tổng hàng tồn kho. Bên cạnh đó, tài sản dài hạn cũng giảm so với năm 2022, vì tài sản cố định trong năm 2023 đã giảm 150 tỷ đồng.

Cơ cấu tổng tài sản của Công ty có sự dịch chuyển dần sang tài sản ngắn hạn, trong đó tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao, đạt 73,7% trên tổng tài sản. Phần lớn là hàng tồn kho là các mặt hàng phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm và thuế GTGT được khấu trừ.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ Tiêu	Năm 2022	Tỷ trọng 2022	Năm 2023	Tỷ trọng 2023	%2023/2022
Tài sản ngắn hạn	2.751,3	94,8%	2.458,35	96%	89,35%
Tài sản dài hạn	151,5	5,2%	101,75	4%	67,16%
Tổng tài sản	2.902,8	100%	2.560,1	100%	92,39%

Đơn vị: Tỷ đồng

Trong năm 2023, Tổng nợ phải trả của Công ty đã giảm 342 tỷ đồng. Trong đó nợ ngắn hạn giảm 293 tỷ đồng và nợ dài hạn giảm 49,75 tỷ đồng. Nợ ngắn hạn giảm phần lớn là do đã thanh toán nợ thuế tài chính.

Nợ ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty, chiếm 96% trên tổng nợ phải trả, trong đó chủ yếu là các khoản vay nợ ngắn hạn tại ngân hàng để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động kinh doanh trong năm.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Từ những khó khăn - thuận lợi trên, Công ty đề ra phương hướng SXKD năm 2024 như sau:

Kế hoạch 2024					
STT	Chỉ tiêu	Đvt	TH2023	Giá trị	%/2023
1	Giá trị SXCN	Triệu đồng	4.487.137	4.284.487	95
2	Doanh thu	Triệu đồng	5.497.561	5.024.220	97
2.1	Doanh thu SXCN	Triệu đồng	4.660.836	4.524.220	79
	- Nội địa	Triệu đồng	2.570.968	2.038.273	111
	- Xuất khẩu	Triệu đồng	2.089.868	2.485.947	119
2.2	Doanh thu KD	Triệu đồng	836.725	500	60
3	Sản lượng hiện vật				
3.1	Lốp xe máy	1000 chiếc	2.939	2.97	101
3.2	Săm xe máy	1000 chiếc	10.873	10.35	95
3.3	Lốp xe đạp	1000 chiếc	1.584	1.55	98
3.4	Săm xe đạp	1000 chiếc	3.243	3.005	93
3.5	Lốp công nghiệp	1000 chiếc	448	380	85
3.6	Lốp ô tô, máy kéo	1000 chiếc	2.22	2.614	118
	- Lốp TBR	1000 chiếc	223	318	142
	- Lốp PCR	1000 chiếc	1.507	1.8	119
3.7	Săm ô tô	1000 chiếc	321	341	106
3.8	Yếm ô tô	1000 chiếc	145	214	148
3.9	Ống cao su dân dụng	tấn	49	45	92
3.10	Cao su bán thành phẩm	tấn	19.763	-	-
4	Lao động & thu nhập				
4.1	Lao động bình quân	Người	1,99	2.000	101
4.2	Thu nhập bình quân	1.000 đồng	11.085	11.000	99
5	Nộp ngân sách	Triệu đồng	127.209	229.551	180
6	Kim ngạch XNK	1.000 USD	140,4	194.822	139
7	Đầu tư XD CB	Triệu đồng	52.822	130.532	247
8	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	70,20	80.000	114
9	Cổ tức	%	(*)	(**)	-

Ghi chú:

(*), (**) Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2023 và tỷ lệ tạm ứng cổ tức 2024 sẽ được trình bày và lấy biểu quyết tại Đại hội cổ đông theo tờ trình "Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023; Phân phối lợi nhuận năm 2024" và tờ trình "Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024".

Số liệu kế hoạch 2024 được Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Cổ đông giữ 51% cổ phiếu) phê duyệt ban hành (theo quyết định số 336/QĐ-HCVN, ngày 21 tháng 12 năm 2023).

CÁC GIẢI PHÁP VÀ ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN

QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT

- » Ứng dụng các giải pháp số hóa trong quản trị bán hàng, sản xuất và hành chính. Nâng cao công tác quản trị và điều hành sản xuất theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, thích ứng nhanh và nhạy bén với tình hình diễn biến của thị trường.
- » Hoàn tất sắp nhập các xí nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả.
- » Tăng cường công tác dự báo, cân đối, rà soát và giảm tồn kho nguyên vật liệu và sản phẩm.
- » Chú trọng công tác thực hiện tiết kiệm, sử dụng nguồn vốn hiệu quả trong SXKD, tăng cường công tác quản lý chi phí, công tác kiểm soát chi phí của các bộ phận, phòng ban trong Công ty và các xí nghiệp thành viên.
- » Tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001, môi trường ISO 14001 và các chứng nhận có giá trị khu vực và quốc tế đối với ngành sản lốp. Hoàn tất các thủ tục cấp chứng nhận IATF 16949:2016 đối với nhóm lốp Radial (bao gồm cả toàn thép và bán thép).

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

- » Triển khai theo đúng tiến độ và đưa vào sản xuất thương mại đối với dự án lốp địa hình (M/T) và tăng công suất 300 nghìn lốp PCR.
- » Tùy theo tình hình thực tế, đầu tư mở rộng, nâng công suất sản xuất lốp PCR, đáp ứng nhu cầu nội địa và xuất khẩu.
- » Tiếp tục thực hiện đầu tư thiết bị nhỏ lẻ nhằm tự động hóa các công đoạn quan trọng nhằm nâng cao năng suất và chất lượng đối với nhóm sản phẩm lốp xe đạp, lốp xe máy và lốp ô tô bias.
- » Lập phương án quy hoạch lại các cụm nhà máy sản xuất theo chủ trương của chính quyền các địa phương mà Công ty đang đặt nhà máy.



CÁC GIẢI PHÁP VÀ ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN

CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM

- » Tiếp tục thực hiện nghiên cứu, cải tiến sản phẩm, cải tiến đơn pha chế với mục đích giảm giá thành, nâng cao chất lượng, đa dạng hóa mẫu mã, chủng loại sản phẩm. Giữ vững và phát triển thương hiệu các sản phẩm Casumina trên thị trường nội địa và xuất khẩu.
- » Tập trung cải tiến thiết kế phù hợp đáp ứng yêu cầu của các đối tác lắp ráp xe với hai nhóm lốp TBR và PCR.
- » Phát triển thêm các quy cách cho dòng lốp PCR Advenza đáp ứng trong nước và phù hợp cho từng thị trường xuất khẩu.
- » Nghiên cứu và triển khai dòng sản phẩm sản lốp xe máy điện cung ứng cho phân khúc lắp ráp. Đây là nhóm sản phẩm dự kiến sẽ có mức tăng trưởng cao trong năm 2024 và các năm sau.
- » Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động quảng bá, phát triển thị phần đối với các dòng sản phẩm, tham gia các Hội chợ và các chương trình triển lãm có uy tín để giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng thị trường tiêu thụ.

CÔNG TÁC TIẾP THỊ VÀ BÁN HÀNG

- » Tiếp tục mở rộng thêm các khách hàng xuất khẩu khu vực Mỹ và Brasil, tận dụng lợi thế về xuất khẩu lốp du lịch sang Brasil.
- » Tăng cường công tác phối hợp với các Nhà phân phối để mở rộng thị phần, tăng sản lượng tiêu thụ đối với các nhóm sản phẩm, tăng độ bao phủ thị trường.
- » Duy trì và nâng cấp hệ thống phân phối lốp xe đạp xe máy và PCR, thí điểm mô hình bán hàng mới đối với nhóm lốp Ô tô tải (Bias và TBR).
- » Xây dựng thêm cửa hàng điểm hình tại TP HCM, Hà Nội, Đà Nẵng để quảng bá, giới thiệu sản phẩm lốp PCR thương hiệu Advenza. Tăng cường hợp tác, bán cho các nhà lắp ráp ô tô tải nhẹ sử dụng nhóm lốp này.
- » Tiếp tục công tác tìm kiếm khách hàng xuất khẩu có nhiều tiềm năng, mở rộng thị trường xuất khẩu, đồng thời khai thác tốt thị trường xuất khẩu đối với nhóm lốp Radial toàn thép.
- » Tăng cường công tác chăm sóc khách hàng. Thực hiện các chính sách khuyến mãi cho từng dòng sản phẩm, điều chỉnh giá bán cho phù hợp với thị trường cạnh tranh.
- » Tiếp tục duy trì hệ thống nhân diện thương hiệu theo hướng hiện đại, đồng bộ. Tập trung vào công tác quảng bá sản phẩm mới theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ban Tổng Giám đốc hoàn toàn đồng ý với ý kiến của kiểm toán viên và không có ý kiến gì thêm.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty đã thực hiện tốt các hoạt động liên quan đến trách nhiệm của Công ty đối với là cộng đồng địa phương. Thông qua các hoạt động từ thiện, hỗ trợ, tài trợ cho những gia đình, tổ chức gặp khó khăn, việc này đã không chỉ thể hiện hình ảnh tốt đẹp của Công ty mà còn san sẻ những khó khăn cho họ. Công ty còn sử dụng nguồn nhân lực tại địa phương để tạo công ăn việc làm cho họ.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Trong năm vừa qua, Ban điều hành chúng tôi đánh giá các hoạt động của Công ty không gây ảnh hưởng đến môi trường. Nước thải và khí thải được xử lý đúng theo quy định của Chính phủ. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không gây ảnh hưởng đến môi trường và đời sống của người dân xung quanh. Việc tiêu thụ năng lượng điện, khí đốt và nước được Công ty kiểm soát tốt, không gây lãng phí. Nhìn chung, chúng tôi đánh giá cao về các chỉ tiêu về môi trường của Công ty.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong năm 2023, Ban điều hành thấy rằng Công ty đã hoạt động tốt trong những vấn đề liên quan đến người lao động. Công ty đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách và quyền lợi cho các cán bộ, công nhân viên và người lao động. Công ty có những chính sách lương, thưởng phù hợp cho những cá nhân, tập thể đã có những ý tưởng đột phá trong kinh doanh hoặc sản xuất. Công ty trong năm vừa qua cũng đã có những hỗ trợ cho các cán bộ, công nhân viên và người lao động trong giai đoạn dịch bệnh và sau dịch. Công ty đã tạo diện tích làm việc an toàn, môi trường lành mạnh cho các công nhân viên và người lao động.





CHƯƠNG TRÌNH THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM

LỄ CÔNG BỐ SẢN PHẨM ĐẠT THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM NĂM 2022 CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

► SẢN PHẨM ĐẠT THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM 2022 ◀

SẼ LỐP XE CASUMINA



CHƯƠNG IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành công ty
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT

Căn cứ Nghị quyết số: 07/2023/NQ-ĐHĐCĐ /NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam (Casumina), với sự lãnh đạo chỉ đạo của Hội đồng quản trị (viết tắt "HĐQT"), Ban Điều hành, Tập thể cán bộ công nhân viên Casumina đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ được giao, các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch năm 2023 của Casumina như sau:

- » Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 4.487 tỷ đồng, bằng 82% so với kế hoạch 2023 và giảm 10% so với thực hiện 2022
- » Doanh thu thuần đạt 5.324 tỷ đồng, giảm 7% so với kế hoạch 2023 và giảm 2% so với thực hiện 2022
- » Lợi nhuận trước thuế đạt: 70,2 tỷ đồng, bằng 56% so với kế hoạch 2023 và bằng 56% so với thực hiện 2022
- » Thu nhập bình quân người lao động đạt 11,085 triệu đồng, bằng 87% so với kế hoạch 2023 và tăng 5% so với thực hiện 2022.
- » Nộp ngân sách nhà nước: 127,2 tỷ đồng, bằng 45% so với kế hoạch 2023, tăng 45% so với thực hiện 2022.

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Về sản phẩm

- » Lớp Radial bán thép được nhiều doanh nghiệp lắp ráp ô tô sử dụng. Hệ thống tiêu thụ Lớp PCR thương hiệu Advenza dành cho xe con đã có mức tăng trưởng tốt, đem lại hiệu quả.
- » Chính sách bán hàng được triển khai theo hướng linh hoạt, phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Công ty đã triển khai thực hiện Hệ thống quản trị bán hàng DMS cho hệ thống Săm lốp xe đạp-xe máy, kết hợp với bảo hành trực tuyến đã tạo được sự kiểm soát và phối hợp tốt với Nhà phân phối.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Về công tác thương mại

- » Thị trường xuất khẩu ngày càng được mở rộng ra nhiều lãnh thổ, quốc gia như Brazil, Ai Cập, Jordan, Afghanistan...
- » Trong năm 2023, sản phẩm lốp bán thép dành cho xe du lịch tiếp tục là sản phẩm được đẩy mạnh tại các thị trường xuất khẩu, ngoài việc tiếp tục gia công cho đối tác Mỹ, công ty cũng đã đẩy mạnh sản phẩm này với thương hiệu Advenza (là thương hiệu của công ty) sang các nước như Brazil, Ai Cập, Yemen, Cam-pu-chia...

Về công tác tài chính

- » Thực hiện đúng tiến độ quyết toán tài chính theo quy định; hoàn thành tốt công tác phục vụ kiểm toán Nhà nước vào kiểm toán tại Công ty.
- » Thực hiện tốt việc quản trị chi phí công tác thu hồi công nợ, đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Về công tác đầu tư

- » Đầu tư thiết bị để thực hiện dự án lớp bán thép M/T, tăng sản lượng lớp bán thép thêm 300.000 lớp/năm và xuất khẩu sang Mỹ. Dự án này đã được hoàn thành vào cuối năm 2023 và bắt đầu tăng công suất từ Quý 1/2024.

Về công tác tái cơ cấu, thoái vốn, đổi mới doanh nghiệp

- » Trong năm 2023, đã hoàn tất quá trình sáp nhập các Phòng ban công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Sáp nhập 2 Xí nghiệp Radial và Bình Dương.

Về công tác quản trị doanh nghiệp

- » Năm 2023, Hội đồng quản trị Casumina đã tăng cường công tác kiểm tra giám sát tại các đơn vị theo chương trình công tác trọng tâm và đã thực hiện công tác giám sát tại đơn vị xí nghiệp Radial.
- » Casumina đã thực hiện rà soát, sửa đổi/bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế/quy định nội bộ cho phù hợp với các Luật mới có hiệu lực và thực tế hoạt động của công ty. Trong năm 2023, HĐQT đã ký ban hành 07 văn bản quản lý nội bộ quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị, điều hành các hoạt động SXKD của Công ty:

- » Quy chế Hoạt động hội đồng trách nhiệm xã hội tự nguyện (sửa đổi, bổ sung);
- » Quy chế Hoạt động mạng lưới an toàn vệ sinh viên (sửa đổi, bổ sung);
- » Quy chế Bán hàng nội địa (sửa đổi, bổ sung);
- » Quy chế Bán hàng xuất khẩu (sửa đổi, bổ sung);
- » Quy chế Quản lý cán bộ (sửa đổi, bổ sung);
- » Quy chế Sửa chữa lớn, tài sản cố định (sửa đổi, bổ sung);
- » Quy chế Đầu tư xây dựng (sửa đổi, bổ sung)

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Về công tác lao động, tiền lương, an sinh xã hội

Bố trí sắp xếp lao động hợp lý, đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Làm tốt công tác chăm lo sức khỏe, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống cho người lao động để người lao động tin tưởng và gắn bó lâu dài với Công ty:

- » Thu nhập bình quân đạt 11.085 triệu đồng/người/tháng, bằng 87% so với KH năm và bằng 102% so với cùng kỳ.
- » Mua bảo hiểm sức khỏe cho người lao động; người lao động được khám sức khỏe định kỳ, khám chuyên sâu hàng năm.
- » Tổ chức cho người lao động đi thăm quan du lịch tại Phan Thiết.
- » Duy trì tặng quà sinh nhật cho người lao động.
- » Tổ chức cho người lao động có thâm niên đi du lịch Sapa.
- » Tổ chức Ngày hội mua sắm nhân dịp Tết Nguyên Đán cho CBCNV.
- » Tổ chức Chương trình chăm lo đời sống NLD gặp khó khăn.

Về công tác quản lý và quan hệ cổ đông

» Casumina đã thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời các các nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật đối với công ty cổ phần đại chúng. Đã phát hành Báo cáo thường niên năm 2023, Báo cáo quản trị Công ty năm 2023 và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 theo đúng quy định của pháp luật.

» Tổ chức thực hiện chi trả cổ tức năm 2022 cho cổ đông đúng đủ và kịp thời.

» Các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty giữ được sự ổn định và đảm bảo duy trì mọi hoạt động. Tập thể lãnh đạo và người lao động luôn phát huy sức mạnh đoàn kết, lao động sáng tạo góp phần xây dựng Công ty ngày càng phát triển. Tạo môi trường làm việc thân thiện, đào tạo, nâng cao trình độ, thúc đẩy phát huy tinh năng động sáng tạo của người lao động, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa Công ty.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành công ty

CÁC NỘI DUNG GIÁM SÁT

Giám sát quá trình lập kế hoạch sản xuất kinh doanh 2023 và thực hiện các chỉ tiêu lợi nhuận năm 2023 theo kế hoạch được phê duyệt; đặc biệt với năm 2023 là năm có nhiều biến động do ảnh hưởng từ bất ổn chính trị toàn cầu, lạm phát cao, tăng lãi suất. Các biến động này đã ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Rà soát và tăng cường các hoạt động quản trị doanh nghiệp, các hoạt động kiểm soát nội bộ và kiểm soát rủi ro.

- » Giám sát hoạt động quản trị của Ban điều hành tại các xí nghiệp thành viên.
- » Giám sát việc chi trả cổ tức trong năm 2023.
- » Giám sát công tác mua sắm vật tư phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Chỉ đạo mua và dự trữ nguyên liệu với giá hợp lý, tiết giảm chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT

Qua quá trình giám sát và kiểm soát các hoạt động chung của Công ty năm 2023, HĐQT nhận thấy Ban điều hành đã hoàn thành tốt vai trò điều hành sản xuất kinh doanh; thực hiện đúng chỉ đạo, định hướng của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT; từng bước nâng cao năng lực quản trị nội bộ. Các chương trình hướng đến mục tiêu chiến lược của Casumina được nghiêm túc triển khai theo lộ trình được hoạch định với những điều chỉnh thích ứng với điều kiện kinh tế vĩ mô và cạnh tranh trong ngành. Điều này thể hiện trên nhiều thành tích, việc đã làm được trong năm 2023 của Công ty, nổi bật là:

- » Kết quả kinh doanh năm 2023 có những kết quả tốt trong bối cảnh tình hình thị trường và điều kiện sản xuất kinh doanh không thuận lợi, đặc biệt Casumina vẫn duy trì thành tích là 1 trong 5 đơn vị có doanh thu cao nhất Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
- » Hoàn tất việc đầu tư thiết bị, tăng thêm 300.000 lớp bán thép nâng công suất lớp bán thép lên 1.800.000 lớp/ năm từ Quý 1/2024.
- » Mặc dù chịu ảnh hưởng của lạm phát kinh tế toàn cầu, nhưng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mở rộng sản xuất vẫn được thực hiện theo đúng kế hoạch. Công ty với uy tín và mạng lưới kết nối cao với các tổ chức tín dụng đã và đang điều phối và đảm bảo nguồn vốn cho việc tăng trưởng sản xuất kinh doanh bền vững ở tất cả các hoạt động SXKD của công ty.
- » Casumina luôn đảm bảo việc công bố thông tin đúng luật, tuân thủ việc chấp hành các nghĩa vụ pháp luật.
- » HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành trong việc thực hiện các mục tiêu được ĐHCĐ thông qua và những kết quả đã đạt được trong hoạt động SXKD năm 2023.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2023

- Giữ vững thị phần các sản phẩm truyền thống như sảm lốp xe đạp, sảm lốp xe máy và sảm lốp ô tô mảnh chéo.
- » Cải tiến và cho ra đời dòng sản phẩm lốp toàn thép mới có trọng lượng nhẹ, phù hợp với các thị trường xuất khẩu.
 - » Sản phẩm lốp toàn thép và lốp bán thép chiếm lĩnh được thị trường nội địa và tiếp tục xuất khẩu ổn định sang các nước.
 - » Lập kế hoạch đi đôi hai Xi nghiệp Cao su Bình Lợi và Đồng Nai theo chủ trương chung của Chính quyền địa phương nơi Công ty đặt nhà máy.
 - » Công ty có hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh.

Tập trung chỉ đạo và hỗ trợ Ban Tổng giám đốc

- » Tập trung công tác tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu theo hướng đa dạng trong các phân khúc nhằm duy trì công suất sản xuất đối với nhóm lốp Radial (bao gồm cả TBR và PCR).
- » Cân đối nguồn vay và quản lý chặt tồn kho vật tư sản phẩm nhằm đạt được hệ số vòng quay tồn kho hợp lý.
- » Tiếp tục đẩy mạnh việc mở rộng hệ thống tiêu thụ Lốp Radial bán thép, thương hiệu Advenza đối với thị trường trong nước. Đây được đánh giá là một sản phẩm tiềm năng có dư địa tăng trưởng.
- » Đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ nhóm lốp TBR và nhóm lốp xe máy không sảm (Tubeless) ở cả hai khu vực xuất khẩu và nội địa. Đây là nhóm sản phẩm đã có nhiều cải tiến về thiết kế, công nghệ sản xuất, cho thấy đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng.
- » Tăng cường hợp tác, nhanh chóng triển khai dòng sản phẩm lốp xe máy điện cung ứng cho các doanh nghiệp lắp ra đang có xu hướng tăng trưởng mạnh.
- » Tìm mọi giải pháp duy trì thị phần các sản phẩm truyền thống của Casumina nhằm ổn định tỷ suất lợi nhuận của các nhóm sản phẩm này.
- » Ứng dụng chuyển đổi số trong công tác quản trị: Sản xuất, bán hàng, bảo hành và quản lý hành chính. Tiếp tục thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí nhằm tạo được lợi thế về giá thành.
- » Triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các dự án đầu tư đúng tiến độ, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- » Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện đúng các Quy chế, Quy định của Công ty.



CHƯƠNG V

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thủ tục và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm Soát

Đánh giá hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Tự đánh giá hoạt động quản trị

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2023, Chủ tịch Hội đồng quản trị đã chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản trị (viết tắt "HĐQT"), HĐQT đã định hướng chương trình công tác và cùng với Ban Tổng giám đốc thảo luận các giải pháp để thực hiện kế hoạch SXKD trong năm 2023. Trong đó, nổi bật một số hoạt động như sau:

- » Tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên diễn ra vào ngày 26/4/2023.
- » Chỉ đạo thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2022.
- » Chỉ đạo thực hiện việc sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức và bộ máy Công ty
- » Chỉ đạo triển khai công tác rà soát, bổ sung Quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021-2026.
- » Chỉ đạo triển khai công tác Quy hoạch cán bộ giai đoạn 2026-2031.
- » Chỉ đạo triển khai công tác rà soát, bổ sung các Quy chế của công ty. Đã hoàn tất việc điều chỉnh 06 Quy chế và bổ sung được 01 Quy chế mới trong năm 2023.
- » Chỉ đạo thực hiện việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.

Ngoài ra, các Thành viên HĐQT cũng thường xuyên nhận được thông báo bằng văn bản, qua email, điện thoại về tình hình hoạt động của công ty để thống nhất ý kiến chỉ đạo và ban hành các nghị quyết, quyết định. Do đó, HĐQT luôn kịp thời nắm bắt các thông tin, để chỉ đạo và đôn đốc các hoạt động của Ban Tổng giám đốc cũng như của công ty.



QUẢN TRỊ CÔNG TY (Tiếp theo)

Nghị quyết của Hội đồng quản trị

Ngày	Số NQ-HĐQT	Nội dung
		Thông qua Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2023
		Thông qua Kế hoạch Sửa chữa lớn năm 2023
10/02/2023	01/2023	Thông qua chủ trương triển khai quy trình Bổ nhiệm lại Trưởng phòng Công ty, Ban giám đốc xí nghiệp
		Thông qua chủ trương triển khai quy trình Bổ nhiệm Phó giám đốc Xí nghiệp cao su Bình Lợi
		Thông qua đề xuất tái ký hạn mức vay ngân hạn trị giá 120 tỷ đồng tại Ngân hàng TNHH Indovina, chi nhánh Bến Thành - Tp. HCM.
		Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh Q1/2023
01/03/2023	02/2023	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
		Thông qua Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Đầu tư bổ sung thiết bị sản xuất lớp bản thép Patagonia M/T với công suất dự kiến 85.000 lớp/năm
		Thống nhất chủ trương thông qua việc thanh lý số thiết bị tại Xí nghiệp Cao su Hóc Môn
17/03/2023	03/2023	Thống nhất chủ trương thông qua việc thanh lý số thiết bị tại Xí nghiệp Cao su Bình Lợi
		Thống nhất chủ trương thông qua việc thanh lý số thiết bị tại Xí nghiệp Cao su Đồng Nai
		Thống nhất chủ trương thông qua việc thanh lý số thiết bị tại Văn phòng công ty
		Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh Q2/2023
04/04/2023	04/2023	Phê duyệt các nội dung, chương trình họp và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
11/04/2023	05/2023	Thống nhất phê duyệt bổ sung/ sửa đổi các nội dung và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
14/04/2023	06/2023	Thông qua Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Đầu tư bổ sung thiết bị sản xuất lớp bản thép Patagonia M/T với công suất dự kiến 85.000 lớp/năm
26/04/2023	07/2023	Nghị quyết ĐHCĐ 2023
04/05/2023	08/2023	Thông qua về việc Bổ nhiệm có thời hạn chức vụ Phó giám đốc XNCS Bình Lợi
		Thông qua về việc Bổ nhiệm lại có thời hạn chức vụ Trưởng phòng Công ty, Ban giám đốc Xí nghiệp
12/05/2023	09/2023	Thống nhất thông qua về việc giao thực hiện chức trách nhiệm vụ Tổng giám đốc Công ty

QUẢN TRỊ CÔNG TY (Tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC

Nghị quyết của Hội đồng quản trị

Ngày	Số NQ-HĐQT	Nội dung
08/06/2023	10/2023	Thông nhất và chấp thuận kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó tổng giám đốc phụ trách Tài chính Công ty
08/06/2023	11/2023	Thông nhất và chấp thuận kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó tổng giám đốc phụ trách Chất lượng Công ty
20/6/2023	12/2023	Thông nhất thông qua Kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục đầu tư xe nâng 2,5 tấn cho Xí nghiệp lớp Radial; xe nâng 3 tấn cho Xí nghiệp Cao su Hóc Môn
		Thông nhất thông qua Kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục Đầu tư máy Rheometer (02 máy) và máy Mooney (02 máy)
		Thông qua về việc Ước kết quả sản xuất kinh doanh quý 2/2023 và kế hoạch quý 3/2023
		Thông qua việc Rà soát, bổ sung Quy hoạch cán bộ Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam giai đoạn 2021-2026
30/08/2023	13/2023	Thông qua Kế hoạch Quy hoạch cán bộ Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam giai đoạn 2026-2031
		Thực hiện chi trả cổ tức năm 2022
06/09/2023	14/2023	Thực hiện chi trả cổ tức năm 2022 (Sửa đổi lần 1)
16/10/2023	15/2023	Thông qua việc sửa đổi Quy chế hoạt động Hội đồng trách nhiệm xã hội tự nguyện
		Thông qua việc sửa đổi Quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn vệ sinh viên
		Thông qua nội dung Tờ trình số 392/ TTr.- TGD ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Tổng giám đốc công ty về việc phân công các bộ phận chuyên môn trong công ty để triển khai thực hiện các nội dung yêu cầu tại công văn số 1337/TBKL-HCVN ngày 20 tháng 9 năm 2023 v/v kết luận của Hội đồng thành viên Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tại cuộc họp giám sát Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam.
		Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh quý 3/2023; kế hoạch quý 4 và cả năm 2023
08/11/2023	16/2023	Thông qua Kế hoạch đi công tác nước ngoài tại Mỹ của Tổng giám đốc công ty
		Thông qua việc điều chỉnh sơ đồ tổ chức công ty
		Thông qua việc sửa đổi Quy chế quản lý cán bộ
22/12/2023	17/2023	Thông qua việc sửa đổi Quy chế Bán hàng hóa xuất khẩu
		Thông qua việc sửa đổi sửa đổi Quy chế Quản lý đầu tư xây dựng
		Thông qua việc sửa đổi Quy chế Quản lý công tác sửa chữa tài sản cố định

QUẢN TRỊ CÔNG TY (Tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC

Nghị quyết của Hội đồng quản trị

Ngày	Số NQ-HĐQT	Nội dung
22/12/2023	17/2023	Thông qua đề nghị của Tổng Giám đốc công ty tại Tờ trình số 498/TTr-TGD ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc đề xuất tài kỳ hạn mức vay ngắn hạn trị giá 220 tỷ đồng tại Ngân hàng Thương mại Quốc tế Việt Nam

Quyết định của Hội đồng quản trị

Ngày	Số NQ-HĐQT	Nội dung
17/03/2023	01/2023	Thông qua quỹ lương thực hiện của Công ty năm 2022.
22/05/2023	02/2023	Chấm dứt hoạt động chi nhánh: Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam - Xí nghiệp Cao su Bình Dương
08/06/2023	03/2023	Kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam
08/06/2023	04/2023	Kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc phụ trách Chất lượng Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam
20/06/2023	05/2023	Ban hành Kế hoạch rà soát, bổ sung Quy hoạch cán bộ Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam giai đoạn 2021-2026
20/06/2023	06/2023	Ban hành Kế hoạch triển khai công tác Quy hoạch cán bộ Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam giai đoạn 2026-2031
16/08/2023	07/2023	Đánh giá, xếp loại cán bộ lãnh đạo, quản lý năm 2022 Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam
16/10/2023	08/2023	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam
16/10/2023	09/2023	Ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng trách nhiệm xã hội tự nguyện Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam
16/10/2023	10/2023	Ban hành Quy chế hoạt động hoạt động của mạng lưới an toàn vệ sinh viên -LTĐ 04 Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam
16/10/2023	11/2023	Ban hành Quy chế Bán hàng nội địa- LTĐ 02 Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam
30/10/2023	12/2023	Ban hành Danh sách bổ sung quy hoạch cán bộ Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam giai đoạn 2021-2026.
30/10/2023	13/2023	Ban hành Danh sách bổ sung quy hoạch cán bộ Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam giai đoạn 2026-2031.
08/11/2023	14/2023	Ban hành Sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam.
22/12/2023	15/2023	Ban hành Quy chế Quản lý cán bộ Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam.
22/12/2023	16/2023	Ban hành Quy chế Bán hàng hóa xuất khẩu Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam.
22/12/2023	17/2023	Ban hành Quy chế Quản lý đầu tư xây dựng Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam.
22/12/2023	18/2023	Ban hành Quy chế Quản lý công tác sửa chữa tài sản cố định Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bùi Văn Thắng	Chủ tịch	25/04/2022	16/16	100%	
2	Phạm Hồng Phú	Ủy viên	26/04/2021	16/16	100%	
3	Nguyễn Minh Thiện	Ủy viên	26/04/2021	16/16	100%	
4	Đào Văn Đức	Ủy viên	25/04/2022	16/16	100%	
5	Nguyễn Mạnh Thái	Ủy viên	26/04/2021	15/16	94%	Đi công tác

BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Đào Thị Chung Tiến	Trưởng ban	26/04/2021	5/5	100%	
2	Vũ Thị Bích Ngọc	Ủy viên	26/04/2021	5/5	100%	
3	Lê Thị Thảo	Ủy viên	26/04/2021	5/5	100%	

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tham gia đầy đủ và có báo cáo trong cuộc họp ĐHCĐ thường niên ngày 26/4/2023.

» Kiểm tra thực hiện quy chế hoạt động HĐQT nhiệm kỳ ĐHCĐ 2021-2022.

» Kiểm tra thẩm định báo cáo tài chính năm 2022 và báo cáo tài chính quý năm 2023.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT. Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

» Thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã được kiểm soát định kỳ trong năm 2022 và 2023.

» Đưa ra những góp ý trong việc ban hành các quy chế, các quy định trong điều hành hoạt động của Công ty.

» Phân tích đánh giá hiệu quả kinh doanh lớp toàn thép (TBR) và lớp bán thép (PCR).

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Họ và tên	Chức vụ	Lương và Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
Bùi Văn Thắng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	20.000.000	72.000.000	92.000.000
Phạm Hồng Phú	Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc	1.012.588.312	66.000.000	1.078.588.312
Nguyễn Minh Thiện	Hội đồng quản trị - Phó Tổng giám đốc	796.350.312	66.000.000	862.350.312
Nguyễn Đình Đông	Phó Tổng giám đốc	763.072.312		763.072.312
Đào Văn Đức	Hội đồng quản trị	15.000.000	66.000.000	81.000.000
Nguyễn Mạnh Thái	Hội đồng quản trị	15.000.000	66.000.000	81.000.000
Đào Thị Chung Tiến	Trưởng Ban kiểm soát	539.174.310	-	539.174.310
Vũ Thị Bích Ngọc	Ban kiểm soát	4.000.000	36.000.000	40.000.000
Lê Thị Thảo	Ban kiểm soát	6.000.000	36.000.000	42.000.000
Tổng cộng		3.769.628.031	408.000.000	3.769.628.031

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức	Giá trị giao dịch (đồng)	Giao dịch
1	Công ty Cổ phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	11.203.951.658	Mua hàng hoá

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của Công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Công ty một cách hiệu quả. Từ đó khuyến khích Công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN; Tập đoàn Hóa chất Việt Nam; các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị Công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Về cơ cấu tổ chức:

- » Năm 2021, Đại hội đồng cổ đông Công ty Casumina đã bầu 01 thành viên độc lập HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2021
- » Số lượng thành viên HĐQT hiện nay là: 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT.

Về việc tổ chức các cuộc họp HĐQT

- » Năm 2023, HĐQT đã tổ chức 16 cuộc họp, bao gồm các cuộc họp định kỳ hằng quý và các lần lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập đầy đủ các thành viên HĐQT và thực hiện với lịch trình cụ thể, chuẩn bị tài liệu đầy đủ theo đúng quy định pháp luật và có sự tham gia của Ban kiểm soát. Nội dung các cuộc họp được các thành viên HĐQT thảo luận, phản biện, đánh giá đầy đủ và cần trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty.
- » Các vấn đề liên quan đến thực thi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chiến lược kinh doanh, tuân thủ các tiêu chuẩn về ngành nghề kinh doanh, an toàn lao động, chất lượng dịch vụ... đều được thảo luận, kiểm soát một cách chặt chẽ giữa HĐQT và Ban Tổng giám đốc.
- » Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp đều được HĐQT thông qua theo nguyên tắc đa số, biến bản cuộc họp được lập đầy đủ, có chữ ký của các thành viên HĐQT tham dự họp và các Nghị quyết HĐQT được ban hành sau mỗi cuộc họp để Ban điều hành triển khai cụ thể từng công việc.

Về việc giám sát Tổng giám đốc và các thành viên khác trong Ban điều hành

- » Về tổng thể, HĐQT đã triển khai theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ, thực hiện tốt công tác giám sát đối với Ban điều hành, đảm bảo hoạt động của công ty được kiểm soát chặt chẽ.
- » Thành viên HĐQT giữ chức vụ Tổng giám đốc luôn tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Các quyết định của Ban điều hành đều được phân tích, phản biện và tham vấn từ HĐQT nhằm đảm bảo lợi ích của cộng ty. Qua đó, HĐQT luôn nắm rõ tình hình hoạt động của công ty cũng như cập nhật nhanh nhất các yêu cầu từ thực tế.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

- » HĐQT đặc biệt quan tâm hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty nhằm hỗ trợ Ban điều hành nhận diện sớm các vấn đề và giúp Công ty duy trì tính bền vững, an toàn và ổn định trong hoạt động, bảo vệ lợi ích của cổ đông cũng như các nhà đầu tư.

Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT:

- » Về tổng thể, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò của mình trong việc triển khai các kế hoạch, chủ trương, định hướng chiến lược do ĐHĐCĐ đề ra trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
- » HĐQT đã tuân thủ các quy định về quản trị công ty, triệu tập các cuộc họp nhằm kịp thời chỉ đạo, ban hành các quyết định phù hợp với tình hình thực tế
- » Các thành viên HĐQT nhận diện một cách chủ động vai trò, trách nhiệm hỗ trợ Ban điều hành nhận diện sớm các vấn đề giúp Công ty duy trì tính bền vững và ổn định trong hoạt động, đồng thời hài hòa lợi ích của Công ty và các cổ đông.
- » Nhìn chung, trong năm 2023 vẫn còn ghi nhận những diễn biến phức tạp của tình hình chính trị Thế giới như xung đột Nga - Ukraine kéo dài đã ảnh hưởng nặng nề đến sự phục hồi kinh tế thế giới, nhưng với tinh thần trách nhiệm cao, đoàn kết, hợp tác, thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cần trọng, HĐQT đã triển khai các giải pháp quyết liệt trong công tác giám sát, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT và cũng đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, như sau

- o Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 4.487 tỷ đồng, bằng 82% so với kế hoạch 2023 và giảm 10% so với thực hiện 2022;
- o Doanh thu thuần đạt 5.324 tỷ đồng, giảm 7% so với kế hoạch 2023 và giảm 2% so với thực hiện 2022;
- o Lợi nhuận trước thuế đạt: 70,2 tỷ đồng, bằng 56% so với kế hoạch 2023 và bằng 56% so với thực hiện 2022;
- o Thu nhập bình quân người lao động đạt 11.085 triệu đồng, bằng 87% so với kế hoạch và tăng 5% so với thực hiện 2022.

Trên đây là báo cáo của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT năm 2023, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua.

CHƯƠNG VI:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

MỤC LỤC

01 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

02 Báo cáo của kiểm toán

03 Báo cáo đã được kiểm toán

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2023, kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

I. Đặc điểm của hoạt động doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

» Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam được chuyển từ Công ty Công nghiệp Cao su Miền Nam theo quyết định số 3240/QĐ-BCN ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Bộ Công nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0300419930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 3 năm 2006, và thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 25 tháng 08 năm 2016.

» Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1.036.264.670.000 VND.

» Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 1.036.264.670.000 VND, tương đương 103.626.467 cổ phần (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần). Trong đó:
- Cổ phần Nhà nước là: 52.855.849 cổ phần, chiếm 51% vốn Điều lệ.
- Cổ phần bán cho các đối tượng khác là: 50.770.618 cổ phần, chiếm 49% vốn Điều lệ.

» Trụ sở chính của Công ty: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, TP HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

» Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng.
» Mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng. Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị ngành công nghiệp cao su.
» Kinh doanh bất động sản.

4. Mô hình hoạt động của doanh nghiệp:

Danh sách các đơn vị trực thuộc:

» Xí nghiệp Cao su Đồng Nai
» Xí nghiệp Cao su Hóc Môn
» Xí nghiệp Cao su Bình Lợi
» Xí nghiệp Cao su Bình Dương
» Xí nghiệp Lốp Radial

5. Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

6. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

	Bổ nhiệm	Từ nhiệm
Ông Bùi Văn Thắng	Chủ tịch	
Ông Phạm Hồng Phú	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Thiện	Thành viên	
Ông Nguyễn Mạnh Thái	Thành viên	
Ông Đào Văn Đức	Thành viên	

Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

	Bổ nhiệm	Từ nhiệm
Ông Phạm Hồng Phú	Tổng Giám đốc điều hành	
Ông Nguyễn Đình Đồng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Minh Thiện	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Quốc Anh	Kế toán trưởng	

Các thành viên Ban Kiểm soát:

	Bổ nhiệm	Từ nhiệm
Bà Đào Thị Chung Tiến	Trưởng Ban Kiểm soát	
Bà Lê Thị Tháo	Thành viên BKS	
Bà Vũ Thị Bích Ngọc	Thành viên BKS	

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

9. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- » Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán; Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- » Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- » Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- » Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2023 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

TP. HCM, ngày 18 tháng 01 năm 2024

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Phạm Hồng Phú

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

- **Cổ đông Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam**
- **Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam**
- **Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công Ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam, được lập ngày 18 tháng 01 năm 2024 từ trang 04 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. HCM, ngày 14 tháng 03 năm 2024

Kiểm toán viên



NGUYỄN ĐĂNG LÊ TRUNG

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 3264-2022-142-1

29 Võ Thị Sáu Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5947
Email: info@asacs.com.vn Website: www.asacs.com.vn

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM

PHÍA NAM

TP. HCM

LIỆT KIM NGỌC

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0181-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.862.554.201.964	3.012.424.468.182
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	289.674.601.758	28.148.892.095
1. Tiền	111		289.674.601.758	28.148.892.095
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		889.031.752.163	778.954.509.126
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	840.291.138.464	621.303.509.955
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	40.203.838.196	136.338.561.928
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	35.078.256.615	48.822.574.502
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(26.541.481.112)	(27.510.137.259)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.313.326.790.689	1.879.212.834.150
1. Hàng tồn kho	141	V.6	1.313.326.790.689	1.879.212.834.150
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		370.521.057.354	326.108.232.811
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	2.321.375.370	4.126.678.886
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.8	357.088.292.067	312.829.009.879
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153	V.9	11.111.389.917	9.152.544.046
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.021.746.673.493	1.191.812.539.079
			988.480.286	9.018.744.286
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.10	988.480.286	9.018.744.286
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢN CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
II. Tài sản cố định	220		946.697.064.360	1.097.470.140.348
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	833.265.451.963	902.338.618.679
- Nguyên giá	222		3.213.751.047.586	3.038.007.649.142
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2.380.485.595.623)	(2.135.669.030.463)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	29.665.357.313	108.970.289.012
- Nguyên giá	225		41.127.114.908	166.341.928.549
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(11.461.757.595)	(57.371.639.537)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	83.766.255.084	86.161.232.657
- Nguyên giá	228		114.901.039.716	114.901.039.716
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(31.134.784.632)	(28.739.807.059)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		16.956.468.373	21.389.803.245
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	16.956.468.373	21.389.803.245
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.15	6.250.492.667	6.250.492.667
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		9.650.345.815	9.650.345.815
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(3.399.853.148)	(3.399.853.148)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		50.854.167.807	57.683.358.533
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	50.854.167.807	57.683.358.533
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.884.300.875.457	4.204.237.007.261

BẢN CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.560.100.408.248	2.902.802.808.054
I. Nợ ngắn hạn	310		2.458.352.534.924	2.751.263.290.340
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	341.130.201.389	336.492.756.024
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	18.606.837.697	57.170.560.357
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	4.354.647.775	6.276.004.674
4. Phải trả người lao động	314	V.20	83.526.612.807	71.404.251.712
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.21	83.459.901.522	73.255.098.855
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.22	18.338.865.458	54.544.675.856
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.23	1.900.032.672.320	2.142.586.034.651
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.24	8.902.795.956	9.533.908.171
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		101.747.873.324	151.539.517.714
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.25	14.208.946.500	12.356.546.500
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.26	86.748.616.358	136.479.828.134
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.27	790.310.466	2.703.143.060
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢN CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		1.324.200.467.209	1.301.434.199.207
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.28	1.324.200.467.209	1.301.434.199.207
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.036.264.670.000	1.036.264.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.036.264.670.000	1.036.264.670.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(12.050.000)	(12.050.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		193.861.513.190	178.024.525.325
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		94.086.334.019	87.157.053.882
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		33.711.692.271	7.972.114.559
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		60.374.641.748	79.184.939.323
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.884.300.875.457	4.204.237.007.261

TP. HCM, ngày 18 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Thant

Nguyễn Thị Thanh Hiền

Kế toán trưởng

Vũ Quốc Anh

Vũ Quốc Anh

Tổng Giám đốc



Phạm Hồng Phú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	5.497.560.551.978	5.559.782.272.838
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	262.653.618.249	239.150.190.350
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		5.234.906.933.729	5.320.632.082.488
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	4.677.740.773.206	4.731.075.714.844
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10-11)	20		557.166.160.523	589.556.367.644
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	51.483.085.754	44.659.601.905
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	159.765.292.024	187.090.613.664
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		152.674.419.037	114.735.151.003
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	200.104.869.967	173.746.047.966
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	186.393.721.555	165.987.201.172
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30= 20+(21-22)-(25+26))	30		62.385.362.731	107.392.106.947
11. Thu nhập khác	31	VI.8	8.812.653.373	14.035.841.562
12. Chi phí khác	32	VI.9	994.170.617	19.704.556.913
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		7.818.482.756	(5.668.715.351)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30+40)	50		70.203.845.487	101.723.391.596
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	11.742.036.353	20.035.207.261
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	(1.912.832.614)	2.503.245.012
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60= 50-51-52)	60		60.374.641.748	79.184.939.323
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	384	491
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

TP. HCM, ngày 18 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Thant

Nguyễn Thị Thanh Hiền

Kế toán trưởng

Vũ Quốc Anh

Vũ Quốc Anh

Tổng Giám đốc



Phạm Hồng Phú



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		70.203.845.487	101.723.391.596
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2		201.301.660.791	214.483.775.899
- Các khoản dự phòng	3		-968.656.147	-1.825.337.325
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4		-3.882.968.854	39.321.066.241
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		-19.741.169.145	-25.796.979.866
- Chi phí lãi vay	6		152.674.419.037	114.735.151.003
- Các khoản điều chỉnh khác	7		0	0
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		399.587.131.169	442.641.067.548
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		-147.223.986.365	-25.801.999.011
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		565.886.043.461	-230.826.036.626
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		-45.255.062.278	5.203.038.398
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		8.634.494.242	-12.902.013.738
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		0	0
- Tiền lãi vay đã trả	14		-152.674.419.037	-114.735.151.003
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-13.581.957.301	-24.694.576.258
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		8.812.653.373	5.158.267.738
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-7.151.907.361	-2.008.286.100
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20		617.032.989.903	42.034.316.948
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-46.095.249.931	-44.845.198.075
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.928.515.772	20.638.712.128
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-35.166.734.159	-24.206.485.947



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		4.269.261.048.359	5.061.640.495.283
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-4.547.461.385.224	-5.071.914.436.645
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-14.084.237.282	-26.838.794.092
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-31.087.578.600	-31.087.578.600
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-323.372.152.747	-68.200.314.054
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		258.494.102.997	-50.372.483.053
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		28.148.892.095	78.941.457.052
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.031.606.657	-420.081.904
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		289.674.601.749	28.148.892.095

TP. HCM, ngày 18 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Hiền

Kế toán trưởng

Vũ Quốc Anh

Tổng Giám đốc

Phạm Hồng Phú

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

» Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam được chuyển từ Công ty Công nghiệp Cao su Miền Nam theo quyết định số 3240/QĐ-BCN ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Bộ Công nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0300419930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 3 năm 2006, và thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 25 tháng 08 năm 2016.

» Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1.036.264.670.000 VND.

» Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 1.036.264.670.000 VND, tương đương 103.626.467 cổ phần (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần). Trong đó:

- Cổ phần Nhà nước là: 52.855.849 cổ phần, chiếm 51% vốn Điều lệ.
- Cổ phần bán cho các đối tượng khác là: 50.770.618 cổ phần, chiếm 49% vốn Điều lệ.

» Trụ sở chính của Công ty tại 180 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, TP HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh

» Sản xuất, thương mại, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

- » Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng.
- » Mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng. Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị ngành công nghiệp cao su
- » Kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính: không ảnh hưởng.

6. Tổng số lao động:

- » 31/12/2023 : 1.900 người (Gián tiếp: 902 người, trực tiếp: 998 người),
- » 31/12/2022 : 2.320 người (Gián tiếp: 1.086 người, trực tiếp: 1.224 người)

II. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- » Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- » Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

» Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

» Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3. Hình thức kế toán áp dụng

- » Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

- » Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Các khoản được xác định là tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn (dưới 03 tháng), tiền đang chuyển... Hiện có của doanh nghiệp tại ngày lập Báo cáo tài chính.

- » Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo tài chính.

- » Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

- Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở nhiều tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như :

- » Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...
- » Các khoản đầu tư được coi như "tương đương tiền" là khoản đầu tư không có nhiều rủi ro, dễ chuyển hóa thành tiền và có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.
- » Khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- » Khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

2.1 Chứng khoán kinh doanh: Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi... với mục đích kinh doanh (chờ tăng giá bán kiếm lời).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.2 Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

» Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. »

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh, liên kết không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh, liên kết. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh, liên kết phát sinh sau khi góp vốn liên doanh, liên kết.

» Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

2.3 Dự phòng đầu tư tài chính: Là dự phòng phần tổn thất do giảm giá chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ có thể xảy ra, hoặc dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác do doanh nghiệp đầu tư vào doanh nghiệp khác bị lỗ;

» **Dự phòng đầu tư chứng khoán:** Là các loại chứng khoán do doanh nghiệp nắm giữ một cách hợp pháp, được tự do chuyển đổi trên thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính, có sự giảm giá; Mức trích lập là giá trị ghi sổ với giá trị thuần có thể thực hiện được; Doanh nghiệp trích lập dự phòng cho từng loại chứng khoán, thông thường là thời điểm cuối năm tài chính, trường hợp lập báo cáo tài chính giữa niên độ có sự biến động lớn về dự phòng thì có thể trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng về đầu tư chứng khoán tại ngày lập BCTC giữa niên độ.

» **Dự phòng đầu tư dài hạn:** Là khoản dự phòng do tổn thất đầu tư vào đơn vị khác do đơn vị được đầu tư bị lỗ và nhà đầu tư có khả năng bị mất vốn từ khoản đầu tư này; Mức trích lập là giá trị khoản lỗ trên kết quả kinh của đơn vị nhận đầu tư tương đương với tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư tại thời điểm lập BCTC.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

» Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn. »
Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3.3 Cuối kỳ kế toán các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch, chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

4.1 Nguyên tắc ghi nhận:

» Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

» Hàng tồn kho không bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang vượt quá một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường mà nó sẽ được trình bày ở khoản mục " Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn"

4.2 Phương tính giá trị hàng tồn kho:

» Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

4.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

» Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.4 Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

» Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng; Không lập dự phòng cho khoản mục chi phí SXKD dở dang và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

» Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

» Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	từ 5 đến 50 năm
- Máy móc, thiết bị	từ 3 đến 20 năm
- Phương tiện vận tải	từ 6 đến 10 năm
- Thiết bị văn phòng	từ 3 đến 10 năm
- Tài sản vô hình và các tài sản khác	tùy thời gian được sử dụng

» TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

» Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

» Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

- » Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.
- » Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.
- » Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:
 - Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
 - Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.
- » Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

- » Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

- » Các chi phí trả trước có giá trị lớn cần được phân bổ dần trong nhiều quý nhưng không quá 01 năm tài chính hoặc không quá một chu kỳ sản xuất thông thường được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn, còn các khoản chi phí trả trước trên 12 tháng hoặc trên một chu kỳ sản xuất thông thường được trình bày là chi phí trả trước dài hạn. Việc phân bổ phải chọn phương thức hợp lý và nhất quán.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

- » Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

- » Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác; khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:
 - Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
 - Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.
- » Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

- » Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.
- » Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.
- » Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.
- » Cuối kỳ kế toán các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- » Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
 - » Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- » Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.
- » Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
 - » Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.
- » Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.
- » Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- » Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- » Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- » Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- » Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- » Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- » Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- » Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- » Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- » Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- » Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- » Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- » Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- » Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- » Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- » Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- » Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- » Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- » Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

15. Bên liên quan

- » Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.
- » Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý

16. Báo cáo bộ phận

- » Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- » Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền		
Tiền mặt (TK 111)	4.003.739.259	4.059.970.690
- Văn phòng TP.HCM	3.709.127.169	3.467.691.392
- Xí nghiệp Đồng Nai	44.856.881	91.247.801
- Xí nghiệp Hóc Môn	14.238.631	42.037.337
- Xí nghiệp Bình Lợi	178.384.795	234.888.877
- Xí nghiệp Bình Dương	10.894.404	7.097.598
- Xí nghiệp Lốp Radial	46.237.379	217.007.685
Tiền gửi ngân hàng (TK 112)	285.670.862.499	24.088.921.405
Tiền gửi VND	138.051.640.117	12.089.271.978
Văn phòng TP.HCM	137.901.929.604	11.151.633.535
Xí nghiệp Đồng Nai	50.270.326	240.622.654
Xí nghiệp Hóc Môn	90.466.476	46.491.077
Xí nghiệp Bình Lợi	2.490.632	119.189.380
Xí nghiệp Bình Dương	0	521.835.332
Xí nghiệp Lốp Radial	6.483.079	9.500.000
Tiền gửi ngoại tệ	147.619.222.382	11.999.649.427
Văn phòng TP.HCM	147.619.222.382	11.999.649.427
Tổng cộng	289.674.601.758	28.148.892.095

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Công ty CP Phillip Carbon Black VN)	9.650.345.815	6.250.492.667	-3.399.853.148	9.650.345.815	6.250.492.667	-3.399.853.148
Tổng cộng	9.650.345.815	6.250.492.667	-3.399.853.148	9.650.345.815	6.250.492.667	-3.399.853.148

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (TK 131)

Phải thu khách hàng ngắn hạn

- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng:

+ A.M TRADING CORPORATION	13.661.089.456	25.610.024.540
+ CST - Continental sime tyê	9.122.816.417	8.613.229.742
+ Công ty TNHH Lốp xe PT	42.247.853.594	42.976.610.455
+ SAVANMISAY IMP-EXP Co.,LAOS PDR,	8.338.266.912	20.487.748.114
+ MUTHANA FOR GENERAL TRADING EST & AGENCIES(AMS)	22.185.043.872	8.925.802.695
+ TIRECO, INC	142.700.319.183	80.972.111.814
+ SHM IMPORTAÇÃO E EXPORTAÇÃO LTDA	35.789.821.301	19.925.223.920
+ Công Ty TNHH MTV Tân Đức Điện Gia	56.998.105.867	
+ Công Ty CP Hưng Hải Thịnh	102.940.847.740	
+ Công Ty TNHH Đức Việt	5.200.961.507	60.506.908.875
+ Công Ty TNHH CAMSO Việt Nam	112.256.027.965	87.320.592.196
- Các khoản phải thu khách hàng khác:	288.849.984.651	265.965.257.604
Cộng	840.291.138.464	621.303.509.955

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (TK 331)

Trả trước cho người bán ngắn hạn

- Chi tiết các khoản trả trước cho người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng:

+ Công ty TNHH Đức Việt		88.587.183.895
+ Yiyang Yishen Rubber Machinery Co.,Ltd	5.848.542.000	0
+ Cty TNHH Lamasg E&C	6.691.809.400	10.008.608.000
+ Công ty TNHH Vật Tư Khoa Học Kỹ Thuật Thái Bình	6.336.330.924	0
- Các khoản trả trước cho người bán khác:	21.327.155.872	37.742.770.033
Cộng	40.203.838.196	136.338.561.928

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(4); (10) PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
4. Phải thu ngắn hạn khác	35.078.256.615		48.822.574.502	
- Phải thu của người lao động (TK 141)	228.543.662		618.290.659	
+ Văn phòng TP.HCM	139.209.380		450.730.372	
+ Xí nghiệp Bình Lợi	47.500.000		164.793.000	
+ Xí nghiệp Lốp Radial	41.834.282		2.767.287	
- Thẻ chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (TK 244)	9.992.835.061		48.795.061	
+ Văn phòng TP.HCM	9.974.835.061		29.795.061	
+ Xí nghiệp Hóc Môn	6.000.000		6.000.000	
+ Xí nghiệp Bình Lợi	12.000.000		13.000.000	
- Kinh phí công đoàn (TK 33822)	133.901.590		0	
- Bảo hiểm xã hội (TK 3383)	8.549.846.487		7.565.339.762	
- Bảo hiểm y tế (TK 3384)	64.461.298		69.321.345	
- Bảo hiểm thất nghiệp (TK 3386)	43.088.979		46.329.009	
- Phải thu khác (TK 1388)	14.073.869.929		38.112.487.804	
+ Phải thu khác (TK 13881)	13.705.356.526		37.685.802.4195	
- Văn phòng TP.HCM	13.481.360.221		37.549.635.604	
Trong đó:				
+ Thuế VAT khấu trừ - dự án Radial			1.032.799.874	
+ Khoản ứng trước cho Liên doanh Phillip Carbon	3.370.684.504		3.370.684.504	
+ Phải thu tiền lãi cho vay của Cty Đức Việt			11.864.895.285	
+ Phải thu tập đoàn Cienco 4	4.283.822.237		14.257.157.734	
- Xí nghiệp Hóc Môn	2.028.396		0	
- Xí nghiệp Bình Dương	0		32.725.906	
- Xí nghiệp Radial	221.967.909		103.440.909	
+ Phải thu chi phí thí nghiệm xí nghiệp (TK 13882)	368.513.403		426.685.385	
- Phải trả, phải nộp khác (TK 3388)	1.991.709.609		2.362.010.862	
+ Phải thu khuôn - KH ARZO-VENEZUELA			83.000.000	
+ Tiền khuôn của KHXX Excellent Partner (XK0308 - OCEANSIDE ONE TRADING LLC)	78.000.000			
+ Khác	1.991.709.609		2.279.010.862	
10. Phải thu dài hạn khác	988.480.286		9.018.744.286	
- Ký cược, ký quỹ (TK 2442) - Văn phòng TP.HCM	988.480.286		9.018.744.286	
Cộng (4) + (10)	36.066.736.901		57.841.318.788	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (TK 2293)				
Cộng	(26.541.481.112)		(27.510.137.259)	

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu (TK 152)	746.723.467.090		1.138.947.241.635	
+ Văn phòng TP.HCM	87.825.199.355		190.212.988.963	
+ Xí nghiệp Đồng Nai	20.846.705.850		24.368.442.492	
+ Xí nghiệp Hóc Môn	19.831.415.021		21.616.679.306	
+ Xí nghiệp Bình Lợi	11.564.560.502		15.156.620.344	
+ Xí nghiệp Bình Dương	269.648.495.665		438.226.704.592	
+ Xí nghiệp Lốp Radial	337.007.090.697		449.365.805.938	
- Công cụ, dụng cụ (TK 153)	18.737.100.349		19.048.539.782	
+ Văn phòng TP.HCM	6.107.238.506		6.138.924.344	
+ Xí nghiệp Đồng Nai	2.194.241.068		2.181.074.832	
+ Xí nghiệp Hóc Môn	2.484.615.236		2.670.335.841	
+ Xí nghiệp Bình Lợi	563.939.856		827.695.557	
+ Xí nghiệp Bình Dương	88.841.309		163.283.928	
+ Xí nghiệp Lốp Radial	7.298.224.374		7.067.225.280	
- Thành phẩm (TK 155)	533.991.700.669		709.100.343.179	
+ Văn phòng TP.HCM	64.410.803.149		73.366.494.963	
+ Xí nghiệp Đồng Nai	99.584.448.307		100.874.426.642	
+ Xí nghiệp Hóc Môn	85.754.424.049		132.489.642.269	
+ Xí nghiệp Bình Lợi	73.478.734.479		94.961.837.323	
+ Xí nghiệp Bình Dương	4.798.297.329		4.578.513.768	
+ Xí nghiệp Lốp Radial	205.964.993.356		302.829.428.214	
- Hàng hóa (TK 156)	13.874.522.581		12.116.709.554	
+ Văn phòng TP.HCM	13.694.023.123		10.979.780.276	
+ Xí nghiệp Đồng Nai	6.554.418		6.791.776	
+ Xí nghiệp Hóc Môn	0		0	
+ Xí nghiệp Lốp Radial	173.945.040		1.130.137.502	
Cộng	1.313.326.790.689		1.879.212.834.150	

Ghi Chú:

- Giá trị hàng hóa ghi số hàng tồn kho ở động, kèm phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ; Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ở động, kèm mất phẩm chất: không có.
- Giá trị hàng hóa tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả vào thời điểm cuối kỳ: không có.
- Lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

11. TÁNG, GIÁM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TK 211)	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. NGUYÊN GIÁ						
1. Số dư đầu năm	940.632.203.570	2.049.841.895.454	41.888.679.434	5.444.870.684	0	3.038.007.649.142
2. Số tăng trong năm	10.811.745.410	164.931.652.034	0	0	0	175.743.398.444
- Mua trong năm		8.675.315.000				8.675.315.000
- Đầu tư XDCE hoàn thành	10.811.745.410	30.960.524.393				41.792.269.803
- Tăng khác		125.275.813.641				125.275.813.641
- Tăng khác (chuyển từ thuế tài chính sang TSCĐ)						0
3. Số giảm trong năm	0	0	0	0	0	0
- Chuyển sang BĐS đầu tư						0
- Thanh lý, nhượng bán						0
- Giảm khác						0
4. Số dư cuối năm	951.643.948.980	2.214.773.548.488	41.888.679.434	5.444.870.684	0	3.213.751.047.586
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ						
1. Số dư đầu năm	546.447.764.358	1.544.254.228.775	39.522.146.646	5.444.870.684	0	2.135.669.030.463
2. Khấu hao trong năm	42.569.409.484	201.555.560.121	691.595.555	0	0	244.816.565.160
- Khấu hao trong năm	42.569.409.484	148.407.581.789	691.595.555			191.668.586.828
- Tăng khác (chuyển từ thuế tài chính sang TSCĐ)		53.147.978.331				53.147.978.331
3. Giảm trong năm	0	0	0	0	0	0
- Chuyển sang BĐS đầu tư						0
- Thanh lý, nhượng bán			0	0		0
- Giảm khác						0
4. Số dư cuối năm	589.017.193.842	1.745.809.788.896	40.213.742.201	5.444.870.684	0	2.380.485.595.623
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
1. Tại ngày đầu năm	394.384.419.212	505.587.666.679	2.366.532.788	0	0	902.338.618.679
2. Tại ngày cuối năm	362.626.755.138	468.963.759.592	1.674.937.233	0	0	833.265.451.963

ĐIỂM CHỮ:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đúng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay ở VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 871.962.558.554 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VND.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

12. TÁNG, GIÁM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH (TK 212)	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. NGUYÊN GIÁ		166.341.928.549				166.341.928.549
1. Số dư đầu năm		0				0
2. Số tăng trong năm						
- Thuế tài chính trong năm						
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính						
- Tăng khác						
3. Số giảm trong năm		125.214.813.641				125.214.813.641
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính						
- Giảm khác (chuyển từ thuế tài chính sang TSCĐ)		125.214.813.641				125.214.813.641
4. Số dư cuối năm		41.127.114.908				41.127.114.908
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ						
1. Số dư đầu năm		57.371.639.537				57.371.639.537
2. Khấu hao trong năm		7.238.096.389				7.238.096.389
- Khấu hao trong năm		7.238.096.389				7.238.096.389
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính						
- Tăng khác						
3. Giảm trong năm		53.147.978.331				53.147.978.331
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính		0				0
- Giảm khác (chuyển từ thuế tài chính sang TSCĐ)		53.147.978.331				53.147.978.331
4. Số dư cuối năm		11.461.757.595				11.461.757.595
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
1. Tại ngày đầu năm		108.970.289.012				108.970.289.012
2. Tại ngày cuối năm		29.665.357.313				29.665.357.313



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (TK 213)	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
I. NGUYÊN GIÁ						
1. Số dư đầu năm	104.369.083.467					
2. Số tăng trong năm				3.896.214.155	6.635.742.094	114.901.039.716
- Mua trong năm						
3. Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
4. Số dư cuối năm	104.369.083.467			3.896.214.155	6.635.742.094	114.901.039.716
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ						
1. Số dư đầu năm	19.667.398.206					
2. Khấu hao trong năm	2.199.448.406			2.436.666.759	6.635.742.094	28.739.807.059
- Khấu hao trong năm	2.199.448.406			195.529.167		2.394.977.573
- Tắt khác				195.529.167		2.394.977.573
3. Giảm trong năm						
- Thanh lý nhượng bán						
4. Số dư cuối năm	21.866.846.612			2.632.195.926	6.635.742.094	31.134.784.632
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
1. Tại ngày đầu năm	84.701.685.261			1.459.547.396		86.161.232.657
2. Tại ngày cuối năm	82.502.236.855			1.264.018.229		83.766.255.084

Ghi chú:
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay: 80.377.617.448 VND
Trong đó:
+ Quyền sử dụng đất Bình Dương: 5.662.321.722 VND
+ Quyền sử dụng đất Bình Dương: 74.715.295.726 VND
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.185.007.249 VND
Trong đó:
+ Nguyên giá TSCĐ vô hình khác đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.635.742.094 VND
+ Nguyên giá TSCĐ vô hình phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.549.265.155 VND



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(7); (16) CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TK 242)	Số cuối năm	Số đầu năm
7. Chi phí trả trước ngắn hạn (TK 2421)	2.321.375.370	4.126.678.886
+ Văn phòng TPHCM	0	1.484.420.000
+ Xi nghiệp Học Môn	285.076.764	265.329.825
+ Xi nghiệp Bình Lợi	73.445.242	299.737.322
+ Xi nghiệp Bình Dương	359.368.063	391.545.447
+ Xi nghiệp Lớp Radial	1.603.485.301	1.685.646.292
16. Chi phí trả trước dài hạn (TK 2422)	50.854.167.807	57.683.358.533
+ Văn phòng TPHCM	3.756.136.296	13.167.878.222
+ Xi nghiệp Đồng Nai	5.092.210.529	5.068.240.121
+ Xi nghiệp Học Môn	3.984.791.668	3.362.042.655
+ Xi nghiệp Bình Lợi	1.555.618.225	3.118.018.161
+ Xi nghiệp Bình Dương	3.555.305.227	4.271.179.126
+ Xi nghiệp Lớp Radial	32.910.105.862	26.696.000.248
Cộng (7) +(16):	53.175.543.177	61.810.037.419



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(23); (26). VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị (1)=(5)+(3)-(4)	Số có khả năng trả nợ (2)	Tăng (3)	Giảm (4)	Giá trị (5)	Số có khả năng trả nợ (6)
23. Vay ngắn hạn	1.900.032.672.320	1.900.032.672.320	4.266.477.203.229	4.509.030.565.600	2.142.586.034.691	2.142.586.034.691
- Vay ngắn hạn (TK 34111)	1.900.032.672.320	1.900.032.672.320	4.246.675.125.684	4.489.228.488.055	2.142.586.034.691	2.142.586.034.691
+ Số đã vay ngân hàng:			4.234.443.201.337			
+ Số đã trả ngân hàng:				4.486.402.820.014		
+ Đánh giá chênh lệch tỷ giá trong kỳ:			560.428.578	969.865.860		
+ Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ:			11.671.495.769	1.855.802.181		
Trong đó:	USD	VND	USD	VND		
Vay bằng Việt Nam đồng						
- Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam		601.006.755.411		217.268.009.648		
- Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam		113.907.099.907		111.747.977.440		
- Ngân Hàng TMCP Quân Đội		346.895.497.274		244.443.763.118		
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		316.910.135.779		298.614.560.251		
- Ngân hàng TNHH Indovina				89.300.400.000		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		400.000.000.000		344.625.310.074		
- Ngân hàng Hong Leong Việt Nam		2.854.860.000		13.300.099.896		
- Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited		119.058.323.949		166.659.637.760		
Vay bằng ngoại tệ - USD						
- Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam			23.856.077	566.104.714.092		
- Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam			1.730.294	41.059.886.112		
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam			451.790	10.720.976.700		
- Ngân hàng TNHH Indovina						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam			1.632.520	38.739.699.600		
Tổng cộng		1.900.032.672.320	27.870.892	2.142.586.034.691		
- Nợ dài hạn đến hạn trả (TK 34113)			19.802.077.545	19.802.077.545		



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị (1)=(5)+(3)-(4)	Số có khả năng trả nợ (2)	Tăng (3)	Giảm (4)	Giá trị (5)	Số có khả năng trả nợ (6)
26. Vay dài hạn (26.1+26.2+26.3)	86.748.616.358	86.748.616.358	7.222.121.723	56.953.333.499	136.479.828.134	136.479.828.134
26.1 - Vay vốn CBCNV (TK 341127)	32.622.000.000	32.622.000.000	1.750.000.000	17.354.797.848	48.226.797.848	48.226.797.848
26.2 - Vay ngắn hạn dự án Radial bán thép và Tổng kho trung tâm Bình Dương (TK 341129)	44.531.161.586	44.531.161.586	1.033.845.130	21.076.021.776	64.573.338.232	64.573.338.232
+ Số đã trả ngân hàng:				20.288.733.851		
+ Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ:			1.033.845.130	787.287.925		
Trong đó:	USD	VND	USD	VND		
Vay bằng Việt Nam đồng						
- Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - dự án Radial bán thép		4.793.095.922		6.536.039.898		
- Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - dự án Xây dựng Công trình Tổng kho Trung tâm tại Xi nghiệp Cao su Bình Dương		8.614.995.444		16.014.895.444		
Vay bằng ngoại tệ - USD						
- Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - dự án Radial bán thép	1.274.491	31.123.070.220	1.737.943	42.022.302.880		
Tổng cộng	1.274.491	44.531.161.586	1.737.943	64.573.338.232		
26.3 - Nợ thuế tài chính (TK 3412)	9.595.454.772	9.595.454.772	4.438.276.593	18.522.513.875	23.679.692.054	23.679.692.054
Trong đó:						
- Cty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TPHCM				7.038.364.203		
- Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam				1.288.600.574		
- Cty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		9.595.454.772		15.362.727.277		
Tổng cộng		9.595.454.772		23.679.692.054		
Cộng (23) + (26)	1.986.781.288.678	1.986.781.288.678	4.273.699.324.952	4.565.983.899.099	2.279.065.862.825	2.279.065.862.825



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÁC KHOẢN NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Thời hạn	Năm 2023				Năm 2022			
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả tiền nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền nợ gốc	Trả tiền lãi thuế	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế
Trên 1 năm đến 5 năm								
- HĐ 90.17.05/CTTC (Cty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TPHCM)	16.015.769.129	1.931.531.866	14.084.237.263	30.398.056.368	26.838.794.093	3.559.262.275	6.813.427.233	6.477.689.487
- HĐ 2017-00272-001 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)	541.945.093	2.137.639	539.807.454	2.468.828.158	2.378.358.196	90.429.962	2.539.192.723	2.390.565.372
- HĐ 2018-00058-001 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)	1.016.748.660	20.679.810	996.068.850	9.615.274.419	8.664.742.298	950.532.121	1.217.277.553	1.170.126.012
- HĐ 90.18.05/CTTC (Cty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TPHCM)	6.754.393.732	255.837.002	6.498.556.730	295.828.695	292.531.502	47.151.541	7.444.056.281	5.757.272.727
- HĐ 2019-00031-001 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)	295.828.695	3.297.193	292.531.502	7.406.852.949	5.757.272.727	1.986.783.554		
- HĐ 57/2020/CN.MN-CTTC (Cty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam)	7.406.852.949	1.649.580.222	5.757.272.727					



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

17. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN (TK 331)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả cho người bán ngắn hạn: Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả				
- Cty CP Dệt Vải CN Hà Nội	15.723.579.614	15.723.579.614	54.453.844.229	54.453.844.229
- Cty TNHH Hyosung Việt Nam	39.143.788.080	39.143.788.080	63.912.574.084	63.912.574.084
- Cty TNHH Thương Mại Ruslan	27.930.028.600	27.930.028.600	7.793.167.140	7.793.167.140
- Cty TNHH Đức Việt	89.782.577.804	89.782.577.804		
- Cty TNHH Formosa Taffeta Đồng Nai	4.265.516.192	4.265.516.192	9.274.605.745	9.274.605.745
- Phải trả các đối tượng khác (*)	164.284.711.099	164.284.711.099	201.058.564.826	201.058.564.826
Cộng	341.130.201.389	341.130.201.389	336.492.756.024	336.492.756.024
b) Trong đó Phải trả người bán là các bên liên quan:				
- Công ty CP Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	2.427.465.875	2.427.465.875	2.714.825.580	2.714.825.580

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN (TK 131)

Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở
lên trên tổng số phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
- CAMOPLAST SOLIDEAL	2.328.373.453	2.328.373.453
- POP INTER VALVE PATCH CO.,LTD	195.169.037	2.399.638.685
- Gupta Tyres Private Ltd	1.123.219.918	1.111.135.768
- Oceanside one Trading LLC	1.312.408.239	
- PCR Tires Ltd Co.	1.511.642.394	
- Công Ty CP Hưng Hải Thịnh		44.858.843.103
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	12.136.024.656	6.472.569.348
Cộng	18.606.837.697	57.170.560.357



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(8);(9); (19) THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)+(2)-(3)
19. Phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	2.446.542.277	(702.332.369)		1.744.209.908
+ Phát sinh thuế đầu ra		36.700.068.140		
+ Đã nộp thuế				
+ Đã khấu trừ		(37.402.400.509)		
- Thuế giá trị gia tăng hàng NK (TK 33312)		88.142.672.526	88.142.672.526	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (TK 3334)				
- Thuế thu nhập cá nhân (TK 3335)	2.190.354.000	765.054.064	435.926.345	2.519.481.719
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất (TK 3337)		13.694.459.479	13.694.459.479	-
- Các loại thuế khác (TK 33382)	95.956.148		5.000.000	90.956.148
Cộng (19.1)	4.732.852.425	101.899.853.700	102.278.058.350	4.354.647.775
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TK 3334) (19.2)	1.543.152.249			
Tổng cộng (=19.1+19.2)	6.276.004.674	101.899.853.700	102.278.058.350	4.354.647.775

Ghi chú: Các số liệu về thuế đơn vị tạm tính, số chính thức sẽ được cơ quan thuế quyết toán sau.

	Đầu năm	Số được khấu trừ trong năm	Đã khấu trừ trong năm	Số cuối năm
	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)+(2)-(3)
8. Thuế GTGT được khấu trừ				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	312.829.009.879	338.794.838.407	294.535.556.219	357.088.292.067
+ Thuế GTGT đầu vào khấu trừ thuế GTGT đầu ra		339.228.231.265	294.535.556.219	
+ Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ phát sinh trong năm				
+ Tiền phạt		-433.392.858		
Cộng:	312.829.009.879	338.794.838.407	294.535.556.219	357.088.292.067

Ghi chú: Các số liệu về thuế đơn vị tạm tính, số chính thức sẽ được cơ quan thuế quyết toán sau.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)+(2)-(3)
9. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
- Thuế xuất nhập khẩu	1.505.557.435	4.527.898.025	4.113.260.475	1.090.919.885
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.543.152.249)	11.742.036.353	13.581.957.301	296.768.699
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân (TK 3335)	7.560.714.122	5.159.779.444	7.236.494.166	9.637.428.844
- Các loại thuế khác (TK 33381)	72.400.000			72.400.000
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	13.872.489			13.872.489
Cộng (9.1)	7.609.391.797	21.429.713.822	24.931.711.942	11.111.385.917
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (9.2)	1.543.152.249			
Tổng cộng (=9.1+9.2)	9.152.544.046	21.429.713.822	24.931.711.942	11.111.385.917

Ghi chú: Các số liệu về thuế đơn vị tạm tính, số chính thức sẽ được cơ quan thuế quyết toán sau.

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Văn phòng TP.HCM	68.934.707.743	58.657.804.194
- Xi nghiệp Đồng Nai	2.118.400.576	2.159.329.669
- Xi nghiệp Hóc Môn	3.435.875.103	3.010.658.942
- Xi nghiệp Bình Lợi	682.741.367	704.086.353
- Xi nghiệp Bình Dương	1.851.594.425	1.547.754.452
- Xi nghiệp Lốp Radial	6.503.293.593	5.324.618.102
Cộng	83.526.612.807	71.404.251.712

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ:

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Chi phí phải trả ngắn hạn:		
Văn phòng TP.HCM	71.985.994.566	63.636.578.943
Xi nghiệp Đồng Nai	331.009.064	341.329.768
Xi nghiệp Hóc Môn	1.461.657.669	1.262.128.629
Xi nghiệp Bình Lợi	560.034.456	379.239.417
Xi nghiệp Bình Dương	2.800.054.015	2.435.068.287
Xi nghiệp Lốp Radial	6.321.151.752	5.200.753.811
Cộng	83.459.901.522	73.255.098.855

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(22), (23) PHẢI TRẢ KHÁC:

	Số cuối năm	Số đầu năm
22. Phải trả ngân hàng khác:		
- Phải trả khác (TK 1381)	839.119.628	966.767.024
- Tài sản thừa chờ giải quyết	1.238.374.909	857.824.873
(gửi họ tên quỹ công đoàn) (TK 3391)		
- Kinh phí công đoàn (TK 3382)	668.706.570	990.602.572
- Bảo hiểm xã hội (TK 3383)	0	1.720.189.373
- Bảo hiểm y tế (TK 3384)	5.448.164.468	3.996.005.768
- Bảo hiểm y tế có phần nhà (TK 3385)	174.833.866	174.833.866
- Phải trả về cổ phần nhà (TK 3386)	2.045.302.572	1.119.555.444
- Bảo hiểm thất nghiệp (TK 3386)	2.814.547.560	5.441.392.120
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả (TK 3389)	5.009.811.885	40.046.943.008
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (TK 3388)		
Trong đó:		
+ Chuyển tiền dư án trên mặt bằng các khu đất -	35.923.116.000	
CTY Ba Đình		
Cộng	18.338.866.458	54.544.675.856

25. Phải trả dài hạn khác:

- Nhận từ quỹ, lý do: chi phí hợp lý		
(TK 344)	14.208.946.500	12.356.546.500
+ Vốn phòng TP HCM		
Trong đó:		
- Công ty Tân Hưng Thịnh - VQ Cao Nguyên	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty TNHH TKOY là Văn	1.500.000.000	1.500.000.000
- Công ty TNHH TM DV tư vấn (SIP) Pasaol Đức Anh	1.700.000.000	
- DNTN Mạnh Đông	1.000.000.000	1.000.000.000
- Công ty TNHH SSM Lập Phương Hợp	2.000.000.000	2.000.000.000
- Cty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVD Việt Nam	3.266.550.000	3.124.130.000
Cộng	14.208.946.500	12.356.546.500

24. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Duy khen thưởng phúc lợi của toàn công ty

Cộng

8.902.798.956	7.576.822.228
8.902.798.956	9.533.908.171

(27) TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI (TK 243) VÀ THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ (TK 347)

- Lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu có gốc ngoại tệ

- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế

- Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Thuế Thu nhập hoãn lại

3.951.552.379	20%	790.310.466	2.703.143.080
790.310.466			
790.310.466			2.703.143.080

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Cả phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
	1	2	3	4	5	6	7	10 = 1 +...+ 9
a. Số dư đầu năm trước	1.036.264.670.000				51.428.114.193	(12.050.000)	169.621.476.335	1.257.302.210.528
- Tăng trong năm					79.184.939.324	-	-	79.184.939.324
Trong đó:								
- Tăng vốn trong năm trước					79.184.939.324			79.184.939.324
- Lãi trong năm trước								
								79.184.939.324
- Giảm trong năm					(43.455.999.635)		6.403.048.990	(35.052.950.645)
Trong đó:								
- Lỗ trong năm trước								
- Giảm khác								
+ Trích quỹ khen thưởng					(2.704.914.697)			(2.704.914.697)
+ Trích quỹ phúc lợi					(1.260.457.348)			(1.260.457.348)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển					(8.403.048.990)		8.403.048.990	
+ Chia cổ tức 2021 bằng tiền					(31.087.578.600)			(31.087.578.600)
b. Số dư đầu năm nay	1.036.264.670.000				87.157.053.882	(12.050.000)	178.024.525.325	1.301.434.199.207
- Tăng trong năm					60.374.641.748			60.374.641.748
Trong đó:								
- Tăng vốn trong năm nay					60.374.641.748			60.374.641.748
- Lãi trong năm nay								
								60.374.641.748
- Giảm trong năm					(53.445.361.612)		15.836.987.865	(37.608.373.747)
+ Trích quỹ khen thưởng 2022					(4.145.246.966)			(4.145.246.966)
+ Trích quỹ phúc lợi 2022					(2.375.548.180)			(2.375.548.180)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển 2022					(15.836.987.865)		15.836.987.865	
+ Chia cổ tức 2022 bằng tiền					(31.087.578.600)			(31.087.578.600)
c. Số dư cuối năm	1.036.264.670.000				94.086.334.019	(12.050.000)	193.861.513.190	1.324.200.467.209



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu			
- Vốn đầu tư của Nhà nước	51%	528.558.490.000	528.558.490.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	49%	507.706.180.000	507.706.180.000
Cộng	100%	1.036.264.670.000	1.036.264.670.000

	Năm nay	Năm trước
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.036.264.670.000	1.036.264.670.000
+ Vốn góp đầu năm	1.036.264.670.000	1.036.264.670.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.036.264.670.000	1.036.264.670.000

	Số cuối năm	Số đầu năm
d) Cổ phiếu		
- Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	103.626.467	103.626.467
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.770.618	50.770.618
+ Cổ phiếu phổ thông	50.770.618	50.770.618
+ Cổ phiếu ưu đãi	1.205	1.205
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.205	1.205
+ Cổ phiếu phổ thông	1.205	1.205
+ Cổ phiếu ưu đãi	103.625.262	103.625.262
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	103.625.262	103.625.262
+ Cổ phiếu phổ thông (= 103.626.467 - 1.205)	103.625.262	103.625.262
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ		

- đ) Cổ tức**
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: Chưa chi trả.
- Công bố cổ tức của năm 2022: chỉ bằng tiền mặt: 31.087.578.600 VNĐ.
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có.
 - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CĐKT	Số cuối năm	Số đầu năm
a Tài sản thuê ngoài		
b Tài sản nhận giữ hộ		
c Ngoại tệ các loại		
Trong đó:		
- Ngoại tệ USD	\$6.106.657,00	\$375.001,64
- Ngoại tệ EUR	€ 21.651,00	€ 45.436,41
d Vàng tiền tệ		
đ Nợ khó đòi đã xử lý	Số tiền	Số tiền
Khách hàng		
1 DNTN Phát Hưng - 750001	614.987.079	614.987.079
2 Lê Chí Hoà - BHND - 710002	894.097.480	894.097.480
3 Nguyễn Hồng Sơn - BHND - 550002	32.677.477	32.677.477
4 Nguyễn Thị Diễm Thủy - BHND - 560004	1.151.092	1.151.092
5 Trần Ngọc Tiến - BHND - 500001	13.356.992	13.356.992
6 CTy Phương Trính - BHND - 284005	9.999.995	9.999.995
7 CTy Phương Trính CN Bình Dương - BHND - 284006	10.000.000	10.000.000
8 Đặng Thủy Quỳnh - Điện Biên - 044009	45.160.400	45.160.400
9 DNTN Hoàng Vỹ - Điện Biên - 044010	24.980.000	24.980.000
10 Đinh Mạnh Cường - Điện Biên - 044012	34.540.000	34.540.000
11 Đinh Thị Phương Thảo - Điện Biên - 044013	56.799.000	56.799.000
12 Nguyễn Thị Oanh - Điện Biên - 044014	40.879.400	40.879.400
13 Anh Quang - Điện Biên - 044015	56.970.400	56.970.400
14 Huỳnh Tiên Hà - Điện Biên - 044016	59.080.000	59.080.000
15 Phạm Văn Thành - Điện Biên - 044022	88.592.178	88.592.178
16 CTy TNHH Cơ Khí Quang Trung - Điện Biên - 044023	35.178.000	35.178.000
17 CTy CP Cơ Khí Cao Su - Điện Biên - 044024	52.767.000	52.767.000
18 CTy CP CHIEN YOU Việt Nam - Điện Biên - 044026	59.199.800	59.199.800
19 Phan Thị Bích Nga - Điện Biên - 044030	50.879.400	50.879.400
20 Đặng Thị Thủy Liễu - Điện Biên - 030045	50.879.400	50.879.400
21 Nguyễn Hữu Nghĩa - Điện Biên - 044036	170.000.000	170.000.000
22 CH Nông Cơ Tiên Hà - CH 146 (TK 131)	143.447.968	143.447.968
23 Nguyễn Thị Hoa - CH 146 (TK 131)	86.597.002	86.597.002
24 Nguyễn Minh Phú - CH 146 (TK 131)	5.838.001.277	5.838.001.277
25 Cty TNHH SX TM DV Đồ Tươi - CH 146 (TK 131)	911.712.842	911.712.842
Tổng cộng	9.381.934.182	9.381.934.182



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
Văn phòng TP.HCM	5.493.794.513.033	5.555.107.686.928
- Doanh thu bán hàng (TK 5111; TK 5112)	5.473.978.354.365	5.538.921.097.341
+ Doanh thu bán hàng hóa (TK 51111)	6.537.490.330	10.739.927.681
* Doanh thu vật tư bán ngoài (TK 51112)	809.014.647.610	227.463.583.330
+ Doanh thu sản phẩm xuất khẩu (TK 51122)	2.089.868.174.555	2.385.216.037.122
+ Doanh thu sản phẩm HH-KM có thuế (TK 51128)	1.290.692.553	2.080.741.637
+ Doanh thu sản phẩm nội địa (TK 51129)	2.567.267.349.317	2.913.420.807.571
- Doanh thu cung cấp dịch vụ (TK 5113)	17.515.808.077	14.747.237.756
- Doanh thu hàng ủy thác (TK 5114)	2.300.350.591	1.439.351.831
Xí nghiệp Đồng Nai	62.044.593	127.240.875
+ Doanh thu bán hàng hóa (TK 5111)	37.164.743	66.549.415
+ Doanh thu thành phẩm đã tiêu thụ (TK 5112)	24.879.850	60.691.460
Xí nghiệp Hóc Môn	3.690.046.346	4.512.036.800
+ Doanh thu bán hàng hóa (TK 5111)	421.317.600	687.381.300
+ Doanh thu thành phẩm đã tiêu thụ (TK 5112)	3.268.728.746	3.824.655.500
Xí nghiệp Bình Lợi	13.948.006	35.308.235
+ Doanh thu bán hàng hóa (TK 5111)	13.948.006	35.308.235
Cộng	5.497.560.551.978	5.559.782.272.838

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU (TK 521)

Văn phòng TP.HCM	262.653.618.249	239.109.484.419
+ Chiết khấu thương mại (TK 5211)	257.262.727.770	231.173.407.083
+ Hàng bán bị trả lại	5.390.890.479	7.936.077.336
Xí nghiệp Hóc Môn	0	40.705.931
+ Chiết khấu thương mại (TK 5211)	0	40.705.931
Cộng	262.653.618.249	239.150.190.350

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN (TK 632)

Văn phòng TP.HCM	4.674.795.983.010	4.727.531.966.872
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.667.541.533.997	4.726.042.134.871
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.254.449.013	1.489.832.001
Xí nghiệp Đồng Nai	10.631.025	80.165.243
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	30.789.781	80.160.579
- Giá vốn hàng bán khác	-20.158.756	4.664
Xí nghiệp Hóc Môn	2.923.835.031	3.468.665.049
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.927.464.971	3.496.568.818
- Giá vốn hàng bán khác	-3.629.940	-27.903.769
Xí nghiệp Bình Lợi	10.324.131	-5.082.520
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	84.640.674	115.971.743
- Giá vốn hàng bán khác	-74.316.543	-121.054.263
Cộng	4.677.740.773.206	4.731.075.714.644



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (TK 515)

	Năm 2023	Năm 2022
Văn phòng TP.HCM	51.481.459.214	44.656.089.513
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.926.889.232	20.635.199.736
- Chênh lệch tỷ giá, doanh thu hoạt động tài chính khác	40.554.569.982	24.020.889.777
Xí nghiệp Đồng Nai	308.478	527.042
- Lãi tiền gửi		
Xí nghiệp Hóc Môn	481.332	1.052.150
- Lãi tiền gửi		
Xí nghiệp Bình Lợi	255.961	638.848
- Lãi tiền gửi		
Xí nghiệp Radial 2	28.252	846.726
- Lãi tiền gửi		
Xí nghiệp Lốp Radial	552.517	447.626
- Lãi tiền gửi		
Cộng	51.483.085.754	44.659.601.905

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH (TK 635)

Văn phòng TP.HCM	159.719.828.843	187.039.165.677
- Lãi tiền vay	152.674.419.037	114.735.151.003
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	5.769.100.537	11.425.192.377
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.276.309.269	60.878.822.297
Xí nghiệp Hóc Môn	45.463.181	51.425.987
- Chiết khấu thanh toán		
Xí nghiệp Bình Lợi	0	22.000
Cộng	159.765.292.024	187.090.613.664

(6); (7). CHI PHÍ BÁN HÀNG (TK 641)

VĂN CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (TK 642)		
6. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	200.104.869.967	173.746.047.966
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	65.369.389.598	100.237.525.641
+ Chi phí xuất khẩu	14.292.791.043	10.714.290.124
+ CP vận chuyển		
- Các khoản chi phí bán hàng khác	120.442.689.326	62.794.232.201

7. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí QLDN	122.865.111.759	112.986.587.851
+ Chi phí nhân viên quản lý	63.528.609.796	53.000.613.321
- Các khoản chi phí QLDN khác		



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

8. THU NHẬP KHÁC (TK 711)

	Năm 2023	Năm 2022
Văn phòng TP.HCM	8.688.587.788	13.974.432.410
- Bán phế liệu	7.527.935.133	5.158.267.738
- Bù trừ tiền thuế đất phải nộp theo công văn số 5025/CCTTPĐ-TBTK của cục thuế TP.HCM- Chi cục thuế TP.Thủ Đức ngày 27.07.2022		4.282.347.529
- Điều chỉnh giảm thuế TNDN phải nộp năm 2020 theo QĐ số 2320/QĐ-CT		3.344.916.359
- Khác	1.160.652.655	1.188.900.784
Xí nghiệp Đồng Nai	124.065.585	61.409.152
- Bán phế liệu	124.065.585	61.409.152
Cộng	8.812.653.373	14.035.841.562

9. CHI PHÍ KHÁC (TK 811)

Văn phòng TP.HCM	122.704.424	19.704.556.913
- Tiền phạt chậm thuế		19.566.540.273
- Chi phí xử lý chất thải	72.000.000	
- Khác	50.704.424	138.016.640
Xí nghiệp Đồng Nai	245.767.686	0
Xí nghiệp Học Môn	625.698.507	
Cộng	994.170.617	19.704.556.913

10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

10.1 Lợi nhuận kế toán trước thuế từ hoạt động kinh doanh của toàn công ty	70.203.845.487	101.723.391.596
10.2 Khoản thu nhập được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN	20.602.729.468	21.756.702.214
- Lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ ngày 31/12/2022	20.602.729.468	21.756.702.214
10.3 Chi phí không được trừ khi tính thu nhập chịu thuế	9.109.065.740	20.209.346.922
- Tiền phạt chậm thuế	9.109.065.740	536.778.502
- Chi phí không chứng từ	58.710.181.759	100.176.036.304
10.4 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế cộng khoản thu nhập không được trừ của toàn công ty (= (10.1) - (10.2) + (10.3))		
10.5 Chi phí thuế TNDN hiện hành của toàn công ty (= (10.4) x 20%)	11.742.036.353	20.035.207.261
Cộng	11.742.036.353	20.035.207.261



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

11. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Năm 2023	Năm 2022
11.1 Chi phí thuế TNDN hoàn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế năm 2022	790.310.466	2.703.143.080
- Lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu có gốc ngoại tệ ngày 31/12/2022 (3.951.552.329 VND)		
- Thuế suất thuế TNDN hoàn lại (20%)		
11.2 Chi phí thuế TNDN hoàn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế năm 2021	(2.703.143.080)	(199.898.068)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại	-1.912.832.614	2.503.245.012

12. LÃI CƠ BẮN TRÊN CỔ PHIẾU

12.1 Cổ phiếu phát hành đầu kỳ (cổ phiếu)		
12.2 Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	103.625.262	
12.3 Cổ phiếu lưu hành trên thị trường (= 103.626.467 - 1.205)		
12.4 Lợi nhuận sau thuế TNDN		
12.5 Khoản lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu có gốc ngoại tệ (không được chia lợi nhuận)		
12.6 Lợi nhuận sau thuế TNDN đã ngoại trừ các khoản không được chia lợi nhuận	39.771.912.280	
(= (12.4) - (12.5))		
12.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	384	491*
(= (12.6) / 103.625.262)		

(*) Hồi tố chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

	Năm 2023	Năm 2022
13 CHI PHÍ THEO YẾU TỐ		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.026.080.194.214	3.826.462.548.915
- Chi phí nhân công	307.683.247.714	321.363.919.062
- Chi phí khấu hao TSCĐ	201.301.660.791	214.850.792.974
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	129.164.559.198	140.601.929.458
- Chi phí khác bằng tiền	395.528.363.870	364.152.803.942
Cộng	4.059.758.025.787	4.867.431.994.351



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai:
 - Mua tài sản và nhận nợ thông qua nghiệp vụ mua hàng trả sau, hoặc cho thuê tài chính: không phát sinh
 - Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu: không phát sinh.
 - Cá giao dịch phi tiền tệ khác: không phát sinh.
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: không có.
- Tặng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) (Mã số 11), bao gồm tăng giảm TK 131,331,138,333,335,338,344: **-47.255.062.278 VNĐ**
- Số tiền đi vay thực nhận trong kỳ (không bao gồm chênh lệch tỷ giá) (Mã số 33): **4.269.261.048.359 VNĐ**
- Số tiền đã trả nợ gốc vay và tiền trả nợ gốc thuê tài chính trong kỳ (Mã số 34): **4.561.545.622.506 VNĐ**

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Thông tin về những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có
 - Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: không có.
 - Thông tin về các bên liên quan:
 - Đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn hóa chất Việt Nam.
 - Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết trong nghị quyết đại hội cổ đông của doanh nghiệp, trong năm không phát sinh ảnh hưởng nào đến hoạt động của doanh nghiệp
 - Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, trong năm không phát sinh các sự việc bất thường
- | a. Các bên liên quan | Mối quan hệ |
|--|---------------------|
| Tập đoàn hóa chất Việt Nam | Công ty Mẹ |
| Công ty CP Cao Su Đà Nẵng | Chung Tập đoàn |
| Công ty CP Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn | Chung Tập đoàn |
| Cty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất | Chung Tập đoàn |
| Công ty CP Philips Carbon Black Việt Nam | Công ty nhận đầu tư |

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan:

Tên Công ty	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Công ty CP Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	Chung Tập đoàn	Đến ngày 31/12/2023, Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả:	2.427.465.875



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

c. Tại ngày 31/12/2023, Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn vay các bên có liên quan như sau:

Tên	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Ông Nguyễn Đình Đông	Phó Tổng Giám Đốc	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả:	2.600.000.000
Ông Bùi Thọ Lưu Hiền	Giám Đốc Xí nghiệp Đồng Nai	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả:	80.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

d. Tổng thu nhập năm 2023 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thưởng tết	Lương + các khoản phụ cấp	Ti lệ	Tổng cộng
1	Phạm Hồng Phú	HĐQT	201.306.000	201.306.000	66.000.000	1.078.588.312
2	Nguyễn Minh Thiện	HĐQT	175.572.000	175.572.000	66.000.000	862.350.312
3	Nguyễn Đình Đông	Phó TGĐ	173.328.000	173.328.000		763.072.312
4	Nguyễn Mạnh Thái	HĐQT	15.000.000	15.000.000	66.000.000	81.000.000
6	Bùi Văn Thắng	CT HĐQT	20.000.000	20.000.000	72.000.000	92.000.000
8	Đào Văn Đức	HĐQT	15.000.000	15.000.000	66.000.000	81.000.000
9	Đào Thị Chung Tiến	TBKS	125.640.000	125.640.000		539.174.310
10	Vũ Thị Bích Ngọc	BKS	4.000.000	4.000.000	36.000.000	40.000.000
11	Lê Thị Thảo	BKS	6.000.000	6.000.000	36.000.000	42.000.000
Tổng cộng			735.846.000	735.846.000	408.000.000	3.579.185.246

- + Ông Bùi Văn Thắng, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, đại diện vốn nhà nước, số cổ phiếu nắm giữ 21.764.173 cổ phiếu.
- + Ông Phạm Hồng Phú, chức vụ Tổng giám đốc điều hành, số cổ phiếu nắm giữ 10.363.892 cổ phiếu.
- + Ông Nguyễn Minh Thiện, chức vụ Phó Tổng giám đốc, số cổ phiếu nắm giữ 10.363.892 cổ phiếu
- + Ông Đào Văn Đức, chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị, số cổ phiếu nắm giữ 10.363.892 cổ phiếu.
- + Ông Nguyễn Mạnh Thái, chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

4. Thông tin về Báo cáo đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Báo cáo của Văn phòng công ty
- Báo cáo của Xí nghiệp Đồng Nai
- Báo cáo của Xí nghiệp Hóc Môn
- Báo cáo của Xí nghiệp Bình Lợi
- Báo cáo của Xí nghiệp Bình Dương
- Báo cáo của Xí nghiệp Lốp Radial

Các báo cáo trên là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam

	Văn phòng Hồ Chí Minh		Xí nghiệp Đồng Nai		Xí nghiệp Hóc Môn	
	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu thuần	5.231.140.894.784	5.231.140.894.784	62.044.593	127.240.875	3.690.046.346	4.471.330.869
Giá vốn	4.674.795.983.010	4.674.795.983.010	10.631.025	80.165.243	2.923.835.031	3.468.665.049
Lợi nhuận gộp	556.344.911.774	556.344.911.774	51.413.568	47.075.632	766.211.315	1.002.665.820

	Xí nghiệp Bình Lợi		Tổng	
	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu thuần	13.948.006	35.308.235	5.234.906.933.729	5.320.632.082.488
Giá vốn	10.324.240	-5.082.420	4.677.740.773.206	4.731.075.714.644
Lợi nhuận gộp	3.623.766	40.390.655	557.166.160.523	589.556.367.844



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

5. Thông tin so sánh:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

6. Tài sản và nợ phải trả tài chính:

Do chưa có hướng dẫn cụ thể thực hiện hạch toán, theo dõi về công cụ tài chính nên công ty chưa có sự chuẩn bị đầy đủ về hệ thống công nghệ thông tin, quy trình nghiệp vụ cơ sở dữ liệu, đào tạo nhân viên để trình bày.

7. Điều chỉnh trong báo cáo tài chính năm trước do các thay đổi trong chính sách kế toán của năm nay: Không có.

8. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty:

a Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

b Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

c Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp (xem thuyết minh V.1).

d Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

e. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Tại ngày 31/12/2023	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm
Phải trả cho người bán	341.130.201.389		
Người mua trả tiền trước	18.606.837.697		
Vay và nợ	1.900.032.672.320	86.748.616.358	
Phải trả người lao động	83.526.612.807		
Chi phí phải trả	83.459.901.522		
Các khoản phải trả phải nộp khác	32.547.811.958		
Cộng	2.459.304.037.693	86.748.616.358	

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

f. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền tệ trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro khác.

Các phân tích về độ nhạy dưới đây được trình bày trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

h. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

i. Độ nhạy của ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính không đáng kể.

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Đến ngày 31/12/2023, Công ty không có ý định hoặc yêu cầu phải giải thể, ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động, tìm kiếm sự bảo hộ từ các chủ nợ theo pháp luật và quy định hiện hành.

10. Thông tin về số liệu so sánh:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu
Kế toán trưởng
Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thanh Tâm
Vũ Quốc Anh
Phạm Hồng Phú

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

TP. HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Tổng Giám đốc

Phạm Hồng Phú